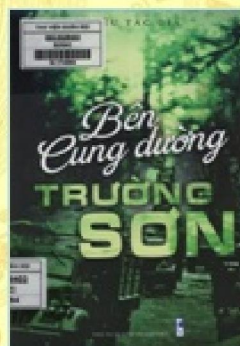
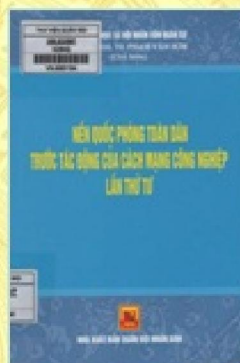




**TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THU VIỆN QUÂN ĐỘI**
- 03 80 -



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

số $\frac{1}{2021}$

Chỉ đạo nội dung:

Thượng tá, Thạc sỹ Mạc Thùy Dương

Biên tập:

Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:

Thượng úy QNCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:

Thiếu tá QNCN, Kỹ sư Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 1 - 2021.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 1/2021 giới thiệu 416 tài liệu, bằng ngôn ngữ tiếng Việt, Anh và Nga trong đó có 320 tài liệu tiếng Việt, 64 tài liệu tiếng Anh và 32 tài liệu tiếng Nga được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 11 tài liệu
- Triết học và tâm lý học: 15 tài liệu
- Tôn giáo: 02 tài liệu
- Khoa học xã hội: 225 tài liệu
- Ngôn ngữ: 05 tài liệu
- Khoa học tự nhiên và toán học: 06 tài liệu
- Công nghệ: 29 tài liệu
- Nghệ thuật và giải trí: 09 tài liệu
- Văn học: 74 tài liệu
- Lịch sử và địa lý: 40 tài liệu

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *Giáo trình công nghệ thông tin:* Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Phí Đình Ngọc chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 216tr.; 27cm.

004.0711 Gi-108T/LCV.0001921 - LCV.0001922; M.174507 - M.174508 - M.174509; MP.0034997 - MP.0034998

002. *Giáo trình lập trình.Net:* Dùng cho sinh viên ngành công nghệ thông tin/ *Trần Anh Tuấn biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 204tr.; 21cm.

006.760711 Gi-108T/M.175469 - M.175470 - M.175471; MP.0035672 - MP.0035673

003. *Cybersecurity: Politics, governance and conflict in cyberspace/ Damien Van Puyvelde.* - Cambridge: Polity, 2019. - 212p.; 23cm.

005.8 C600/AV.0012414

004. *Cybersecurity: Geopolitics, law and policy/ Amos N. Guiora,.* - New York: Routledge, 2017. - 170p.; 22cm.

005.8 C600/A.0013133

005. *Cybersecurity and cyberwar: What everyone needs to know/ P. W. Singer, Allan Friedman.* - New York: Oxford University press, 2014. - 306p.; 21cm.

005.8 C600A/A.0013139

006. *How to measure anything in cybersecurity risk/ Douglas W. Hubbard, Richard Seiersen.* - New Jersey: Wiley, 2016. - 280p.; 24cm.

005.8 H435T/AV.0012413

007. *Rewired: Cybersecurity governance:* Cybersecurity governance. - New Jersey: Wiley, 2019. - 327p.; 24cm.

005.8 R207C/AV.0012410

008. *The cybersecurity dilemma: Hacking, trust and fear between nations/ Ben Buchanan.* - New York: Oxford university press, 2016. - 290p.; 22cm.

005.8 Th200C/A.0013132

009. *The cybersecurity playbook:* How every leader and employee can contribute to a culture of security. - New Jersey: Wiley, 2019. - 212p.; 24cm.

005.8 Th200C/AV.0012415

010. *The digital big bang:* The hard stuff, the soft stuff and the future of cybersecurity/ *Phil Quade.* - Indianapolis: Wiley, 2019. - 306p.; 23cm.

005.8 Th200H/AV.0012411

011. Информационный терроризм/ Нуждин, Лев. - 2-е изд. дополненное. - М.: Издательство ИКАР, 2017. - 291 с.; 21 см.

005.8 00000/X.0027091

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

012. Điện thần và nghi thức hầu đồng Việt Nam/ Maurice Durand, Olivier Tessier biên soạn; Dịch và giới thiệu: Nguyễn Thị Hiệp, - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 325tr.; 28cm.

133.9109597 Đ305T/M.174818 - M.174819; V.0017550 - V.0017551

013. Thánh mẫu linh thiêng/ Olivier Tessier; Dịch và giới thiệu: Phạm Văn Ánh, Nguyễn Thị Hiệp. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 403tr.; 28cm.

133.309597 Th107M/M.174820 - M.174821; V.0017552 - V.0017553

150 - Tâm lý học

014. Bình thần và tiếp tục vui sống/ Mark A. Reinecke; Võ Hồng Sa dịch. - In lần 9. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 172tr.; 21cm.

152.46 B312T/M.175168 - M.175169; MP.0035429 - MP.0035430

015. Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập học phần tâm lý học quân sự: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ Lưu Hoàng Tùng chủ biên, Nguyễn Thị Kim Thoa. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 128tr.; 27cm.

150.711 B450C/M.174528 - M.174529 - M.174530; MP.0035003

016. 365 ngày thông dong/ Robin Sharma; Dương Thùy Dung dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 422tr.; 20cm.

158.1 B100T/M.175154 - M.175155; MP.0035418 - MP.0035419

017. Giáo trình tâm lý học trong hoạt động lãnh đạo, quản lý: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ Bùi Mạnh Hải chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 107tr.; 27cm.

158.70711 Gi-108T/M.174763 - M.174764 - M.174765; MP.0035160 - MP.0035161

018. Giáo trình tâm lý học trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lãnh đạo, quản lý: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ Bùi Mạnh Hải chủ biên, Kiều Văn Vang, Lê Hồng Cường. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 256tr.; 27cm.

158.70711 Gi-108T/M.174474 - M.174475 - M.174476; MP.0034961 - MP.0034962

019. Năm kẻ trộm hạnh phúc/ John Izzo; Phan Hoàng Lệ Thủy dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 230tr.; 21cm.

158.1 N114K/M.175129 - M.175130; MP.0035396 - MP.0035397

020. *Phụ nữ thông minh không ở góc văn phòng*: 101 sai lầm phụ nữ thường mắc phải nơi công sở/ *Lois P. Frankel; Khánh Thủy dịch.* - H.: Lao động, 2019. - 259tr.; 21cm.

158.1082 Ph500N/M.174639 - M.174640 - M.174641; MP.0035070 - MP.0035071

021. *Thong dong như chú mèo hong nắng bên hiên*: Bài học cuộc sống từ loài Mèo/ *Stéphane Garnier; Khánh Tiên dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 200tr.; 21cm.

158.1 Th431D/M.175136 - M.175137; MP.0035400 - MP.0035401

160 - Logic triết học

022. *Giáo trình logic hình thức*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Hà Văn Tâm chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 132tr.; 27cm.

160.711 Gi-108T/M.174495 - M.174496 - M.174497; MP.0034983 - MP.0034984

023. *Giáo trình đạo đức y học*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học hệ dân sự. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 152tr.; 27cm.

174.2 Gi-108T/M.174517 - M.174518 - M.174519

024. *Ethics and military strategy in the 21st century*: Moving beyond clausewitz/ *George Lucas.* - London: Routledge, 2020. - 235p.; 23cm.

172.42 E207A/AV.0012451

180 - Triết học cổ đại, trung cổ, phương Đông

025. *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*/ *Trần Văn Giàu.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020.; 24cm.

T.1: Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử. - 490tr.

181.197 S550P/M.174833 - M.174834; V.0017562 - V.0017563

T.2: Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử. - 496tr.

181.197 S550P/M.174831 - M.174832; V.0017560 - V.0017561

T.3: Thành công của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. - 549tr.

181.197 S550P/M.174829 - M.174830; V.0017558 - V.0017559

026. *Vào cửa triết Đông*/ *Lý Minh Tuấn.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 352tr.; 23cm.. - (Tủ sách Triết học phương Đông)

180 V108C/M.175090 - M.175091 - M.175092; V.0017591 - V.0017592

200 - TÔN GIÁO

027. Một số vấn đề của tôn giáo và những liên quan. - 2020; H.: Viện Thông tin khoa học xã hội. - 80tr.; 30cm.

200 M458S/T.0024334

028. Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam/ Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 230tr.; 23cm.

**202.09597 V115H/M.175093 - M.175094 - M.175095; MP.0035377;
V.0017593 - V.0017594**

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

029. Biến đổi về văn hóa, xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo tin lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (Từ năm 2005 đến nay)/ Trần Thị Hồng Yến chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2018. - 412tr.; 21cm.

**303.4095971 B305Đ/M.174615 - M.174616 - M.174617; MP.0035061 -
MP.0035062**

030. Đô thị thông minh, tương lai xán lạn: Bản trình diễn về tương lai/ *Mike Barlow, Cornelia Lévy - Bencheton; Trần Thị Mỹ Duyên dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 380tr.; 21cm.

**307.76 Đ450T/M.175160 - M.175161; MP.0035424; VN.0081082 -
VN.0081083**

031. Giáo trình văn hóa - xã hội: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Trịnh Thị Hiền chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 139tr.; 27cm.

**306.40711 Gi-108T/M.174751 - M.174752 - M.174753; MP.0035142 -
MP.0035143**

032. Giáo trình văn hóa - xã hội: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Văn Lan chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 132tr.; 27cm.

**306.40711 Gi-108T/LCV.0001929 - LCV.0001930; M.174772 -
M.174773 - M.174774; MP.0035172 - MP.0035173**

033. Hạnh phúc gia đình - Những điều cần biết: Hôn nhân với cuộc sống gia đình/ Biên soạn: Lê Thị Hiền, Nguyễn Thanh Xuân, Phạm Danh Tiên. - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 115tr.; 21cm.

306.872 H107P/M.175066 - M.175067; MP.0035363 - MP.0035364

034. Giáo trình dân tộc học và tôn giáo học: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Trần Đức Luân chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 120tr.; 27cm.

**305.80711 Gi-108T/M.174757 - M.174758 - M.174759; MP.0035150 -
MP.0035151**

035. *Hướng dẫn viết và thuyết trình luận văn, luận án bằng tiếng Anh cho học viên sau đại học tại Học viện Kỹ thuật quân sự*: Dành cho đối tượng đào tạo sau đại học/ *Hồ Thị Thoa chủ biên, Lê Thị Minh Hiên, Trương Thị Thu Trang*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 193tr.; 27cm.

302.2 H561D/M.174546 - M.174547 - M.174548; MP.0035016

036. *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở*: Thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019. - H.: Thống kê, 2019; - 379tr.; 30cm.

304.609597 K258Q/T.0024359

037. *Một số vấn đề về dân số, di dân, nhập cư, nguồn nhân lực*. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020; - 90tr.; 30cm.

305.9 M458S/T.0024344

038. *Một số vấn đề văn hóa, văn minh*. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 100tr.; 30cm.

306 M458S/T.0024347

039. *Ngày trở về*: Mẹ ơi, con là người Việt Nam!. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 192tr.; 23cm.

305.9069109597 Ng112T/M.175101 - M.175102 - M.175103; V.0017597 - V.0017598

040. *Những góc nhìn đời - Tôi thấy, nghe và nghĩ*/ *Phan Đăng*. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2018. - 247tr.; 20cm.

306.4 Nh556G/M.174269 - M.174270 - M.174271; MP.0034880 - MP.0034881

041. *Sức mạnh gia đình*/ *Hùng Cửu Long*. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2019. - 212tr.; 23cm.

306.85 S552M/M.175046 - M.175047; MP.0035353 - MP.0035354

042. *Rừng, đàn bà, điên loạn*: Đi qua miền mơ tưởng Giarai/ *Jacques Dournes; Nguyễn Ngọc dịch*. - H.: Tri thức, 2018. - 366tr.; 21cm.

305.89922 R556Đ/M.174618 - M.174619 - M.174620; MP.0035063; VN.0081009 - VN.0081010

043. *Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019: Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ*. - 2019; H.: Thống kê. - 124tr.; 30cm.

304.609597 T455Đ/T.0024358

044. *Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam*/ *Lê Quang Thiêm chủ*. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 158tr.; 21cm.

**306.09597 V115H/M.175064 - M.175065; MP.0035361 - MP.0035362;
VN.0081058 - VN.0081059**

**045. *Rural-urban migration in Vietnam/ Amy Y. C. Liu, Xin Meng. - Switzerland:
Springer, 2019. - 271p.; 24cm.***

304.809597 R000M/AV.0012418

**046. *Terrorism and global security: The Nuclear threat/ Louis Rene Beres. - New York:
Routledge, 2019. - 161p.; 24cm.***

301.633 T206A/AV.0012466

**047. *Teaching peace and war: Pedagogy and curricula/ Annick T.R. Wibben, Amanda E.
Donahoe. - London: Routledge, 2020. - 165p.; 25cm.***

303.66 T200P/AV.0012437

048. *World without war/ J. D. Bernal. - New York: Routledge, 2020. - 308p.; 22cm.*

303.66 W434W/A.0013150

320 - Khoa học Chính trị

**049. *Khủng hoảng chính trị ở Thái Lan thời kỳ nữ thủ tướng Yingluck/ Nguyễn Hồng
Quang chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2018. - 238tr.; 21cm.***

**320.9593 Kh513H/M.174606 - M.174607 - M.174608; MP.0035056;
VN.0081090 - VN.0081091**

**050. *Kỷ yếu hội thảo khoa học nâng cao trách nhiệm công vụ, đẩy mạnh dân vận chính
quyền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội trong điều kiện mới. - H.:
Tạp chí Cộng sản, 2019. - 714tr.; 30cm.***

321.009597 K600Y/T.0024360

**051. *Một số vấn đề của Châu Á, Đông Á và những liên quan. - H.: Viện Thông tin khoa
học xã hội, 2020. - 95tr.; 30cm.***

320.095 M458S/T.0024338

**052. *Một số vấn đề của Mỹ và những liên quan. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội,
2020; 30cm.***

Q.1. - 80tr.

320.0973 M458S/T.0024335

Q.2. - 90tr.

320.0973 M458S/T.0024336

**053. *Một số vấn đề của nước Nga, hậu Liên Xô và những liên quan. - H.: Viện Thông
tin khoa học xã hội, 2020. - 80tr.; 30cm.***

320.0947 M458S/T.0024345

054. Một số vấn đề của Trung Quốc và những liên quan. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020; 30cm.

Q.1. - 90tr.
320.0951 M458S/T.0024349

Q.2. - 100tr.
320.0951 M458S/T.0024350

055. Một số vấn đề về dân chủ. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 80tr.; 30cm.
320.5 M458S/T.0024337

056. Một số vấn đề về kinh tế và chính trị thế giới. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020; 30cm.

Q.2. - 90tr.
320 M458S/T.0024342

Q.3. - 90tr.
320 M458S/T.0024341

Q.4. - 90tr.
320 M458S/T.0024343

057. Một số vấn đề về quốc gia dân tộc, sắc tộc, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bộ lạc... - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 90tr.; 30cm.
320.5 M458S/T.0024354

058. Nhà nước thế tục: Sách chuyên khảo/ *Đỗ Quang Hưng.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 647tr.; 24cm.
322.1 Nh100N/M.174320 - M.174321 - M.174322; V.0017413 - V.0017414

059. Thực hiện chức năng giám sát quyền lực nhà nước của Quốc hội Việt Nam hiện nay/ Vũ Thị Mỹ Hằng. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 288tr.; 21cm.
328.597 Th552H/M.175324 - M.175325 - M.175326; MP.0035565; VN.0081126 - VN.0081127

060. An emerging asian model of governance and transnational knowledge transfer/ Ting-Yan Wang, Hong Liu. - London: Routledge, 2020. - 129p.; 25cm.
320.6 A105E/AV.0012438

061. Inequality and democratic politics in east asia/ Chong-Min Park, Eric M. Uslaner. - London: Routledge, 2020. - 206p.; 24cm.
320.095 I-311A/AV.0012444

062. Nation-Building and identity in the Post-Soviet space: New tools and approaches/ Rico Isaacs, Abel Polese. - New York: Routledge, 2019. - 259p.; 24cm.

320.10947

N000/AV.0012467

063. *Politics in China*: An introduction/ *William A. Joseph*. - 3rd Edition. - New York: Oxford University Press, 2019. - 631p.; 25cm.

320.09

P428I/AV.0012456

064. *Religion and nationalism in Asia*/ *Giorgio Shani*. - New York: Routledge, 2020. - 201p.; 24cm.

322.1095

R201A/AV.0012465

065. *Russia without Putin: money, power and the myths of the new cold war*/ *Tony Wood*. - London: Verso, 2018. - 210p.; 22cm.

320.0947

R521W/A.0013148

066. *The governance of China*/ *Xi Jinping*. - Beijing: Foreign Language Press Co.Ltd, 2018. - 515p.; 24cm.

320.951

Th200G/AV.0012417

067. *The Taiwan issue*: Problems and prospects/ *Benjamin Schreer, Andrew T.H. Tan*. - London: Routledge, 2020. - 236p.; 24cm.

320.0951249

Th200T/AV.0012441

068. *Xi Jinping: The governance of China*. - Beijing: Foreign languages press, 2017. - 619p.; 24cm.

E.2

320.951

X300J/AV.0012420

069. *Украинский национализм*: Кризис или распад государства?/ *С. И. Аксененко*. - М.: Вече, 2016. - 411 с.; 21 см.. - (Хроники современности)

320.54

00000/X.0027106

070. *Все самолеты ильюшина*: Самая полная энциклопедия/ *Николай Якубович*. - М.: Яуза, 2013. - 204 с.; 27 см.. - (Военно-воздушная энциклопедия)

329.13303

00000/XV.0004103

324 - Quá trình chính trị

071. *Bầu cử trong Đảng - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn từ Đại hội Đảng ở cơ sở*/ *Nguyễn Tác Lễ*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 191tr.; 21cm.

324.2597075

B125C/M.174332 - M.174333 - M.174334; VN.0080933 -

VN.0080934

072. *Chuẩn bị thật tốt Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*/ *Nguyễn Phú Trọng*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 195tr.; 19cm.

324.2597075

Ch502B/M.175330 - M.175331 - M.175332; MP.0035567;

VN.0081130 - VN.0081131

073. Cơ hội và thách thức chủ yếu hiện nay đối với vai trò chính trị của Đảng Cộng sản Pháp tại châu Âu và đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 119tr.; 21cm.

324.2597075 C460H/M.174401 - M.174402 - M.174403; MP.0034911;
VN.0080967 - VN.0080968

074. Giáo trình công tác dân vận, nghiệp vụ công tác dân vận và các đoàn thể: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ Nguyễn Huy Thông chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 100tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0002014 - LCV.0002015; M.174504 -
M.174505 - M.174506; MP.0034993 - MP.0034994

075. Giáo trình công tác đảng, công tác chính trị và công tác dân vận: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ Vũ Văn Khải chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 191tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0002036 - LCV.0002037; M.174754 -
M.174755 - M.174756; MP.0035146 - MP.0035147

076. Giáo trình những vấn đề cơ bản về Đảng cộng sản và lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ Trần Thanh Tùng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 272tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0001927 - LCV.0001928; M.174483 -
M.174484 - M.174485; MP.0034971 - MP.0034972

077. Lịch sử đảng bộ Lữ đoàn Công binh 131 Hải quân (1975 - 2019)/ Biên soạn: Chương Tuấn Chuyền,... - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 486tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0035543 - MP.0035544; VN.0081100 -
VN.0081101

078. Lịch sử Đảng bộ phường 9 quận 3 (1975-2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 292tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015083 - LC.0015084; MP.0035668 -
MP.0035669; VN.0081160 - VN.0081161

079. Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Bắc Giang (1945 - 2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 472tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015087 - LC.0015088; MP.0035676 -
MP.0035677; VN.0081168 - VN.0081169

080. Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường 7 quận Gò Vấp (1930 - 2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 252tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0035674 - MP.0035675; VN.0081166 -
VN.0081167

081. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trên đường sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam/ Lê Văn Yên. - Tái bản lần 2. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 151tr.; 21cm.

324.2597075 Ng527A/M.174990 - M.174991 - M.174992; VN.0081044 - VN.0081045

082. Nhận diện về "Tự diễn biến" "Tự chuyển hóa" và giải pháp đấu tranh ngăn chặn/ Cao Văn Thống chủ biên. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 280tr.; 21cm.

324.2597075 Nh121D/M.175319 - M.175320 - M.175321; MP.0035564; VN.0081122 - VN.0081123

083. Những câu đố trắc nghiệm về truyền thống Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 88tr.; 21cm.

324.259701409 Nh556C/M.175170 - M.175171; MP.0035431 - MP.0035432

084. Tài liệu hướng dẫn Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 151tr.; 21cm.

324.2597075 T103L/M.174329 - M.174330 - M.174331; VN.0080931 - VN.0080932

085. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Lực lượng vũ trang Quân khi 9 trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1975 - 2016)/ Nguyễn Văn Gấu chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 424tr.; 21cm.

324.209597 T455K/MP.0035660 - MP.0035661; VN.0081152 - VN.0081153

086. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Lực lượng vũ trang Quân khu 7 trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1975 - 2016)/ Biên soạn: Hồ Sơn Đài,... - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 332tr.; 22cm.

324.2597075 T455K/LC.0015225 - LC.0015226; MP.0035658 - MP.0035659; VN.0081150 - VN.0081151

087. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Lực lượng vũ trang Quân khu 2 trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1975 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 295tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/LC.0015246; MP.0035547 - MP.0035548; VN.0081104 - VN.0081105

088. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Quân chủng Phòng không - Không quân trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1975 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 604tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/MP.0035662 - MP.0035663; VN.0081154 - VN.0081155

327 - Quan hệ quốc tế

089. Châu Âu những vấn đề mới và những liên quan. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 90tr.; 30cm.

327 Ch125Â/T.0024346

090. Chơi đến cùng - Tình báo Mỹ trong kỷ nguyên khủng bố: Sách tham khảo/ *Michael V. Hayden; Đinh Trọng Minh dịch.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 638tr.; 24cm.

327.120973 Ch462Đ/M.174383 - M.174384 - M.174385; MP.0034905; V.0017419 - V.0017420

091. Hợp tác ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế/ Trần Nam Tiến chủ biên. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2014. - 380tr.; 21cm.

327 H466T/M.175435 - M.175436 - M.175437; MP.0035642 - MP.0035643

092. Một số vấn đề của nước lớn, siêu cường và những liên quan. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 90tr.; 30cm.

327 M458S/T.0024355

093. Một số vấn đề về an ninh quốc phòng, chiến tranh, vũ khí, địa chính trị. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 100tr.; 30cm.

327 M458S/T.0024352

094. Một số vấn đề về toàn cầu hóa và những liên quan. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 100tr.; 30cm.

327 M458S/T.0024353

095. Một số vấn đề về trật tự thế giới, "trật tự thế giới tự do". - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 80tr.; 30cm.

327 M458S/T.0024348

096. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ từ đầu thế kỷ XXI đến nay/ Đỗ Thanh Hà. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2020. - 310tr.; 21cm.

327.597054 Qu105H/M.175056 - M.175057; VN.0081056 - VN.0081057

097. Quan hệ Việt Nam với một số nước lớn những năm đầu thế kỷ XXI: Sách tham khảo/ *Nguyễn Thị Quế.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 487tr.; 24cm.

327.597 Qu105H/M.175301 - M.175302 - M.175303; MP.0035558; V.0017621 - V.0017622

098. Aid power and politics/ Iliana Olivie, Aitor Perez. - New York: Routledge, 2020. - 283p.; 23cm.

327 A103P/AV.0012468

099. Changing constellations of Southeast Asia: From Northeast Asia to Chin/ *Jan*

Nederveen Pieterse, Abdul Rahman Embong, Siew Yean Tham. - New York: Routledge, 2019. - 317p.; 24cm.

327.959 Ch106C/AV.0012462

100. *China reclaims world power status:* Putting an end to the world America made/ *Paolo Urio.* - New York: Routledge, 2019. - 273p.; 24cm.

327 Ch311R/AV.0012463

101. *Chinese peace in africa:* From peacekeeper to peacemaker/ *Steven C.Y Kuo.* - London: Routledge, 2020. - 150p.; 24cm.

327.5106 Ch311P/AV.0012443

102. *Chinese Spies:* From chairman Mao to Xi Jinping/ *Roger Faligot; translated by Natasha Lehrer.* - London: Hurst company, 2015. - 507p.; 24cm.

327.1251 Ch311S/AV.0012436

103. *International order and the politics of disaster/* *Scott D. Watson.* - New York: Routledge, 2020. - 282p.; 23cm.

327 I-312O/AV.0012470

104. *Iran and Palestine:* Pats, present, future/ *Seyed Ali Alavi; foreword by Arshin Adib-Moghaddam.* - London: Routledge, 2020. - 184p.; 23cm.

327.5505694 I-313A/AV.0012452

105. *Managing conflicts in a globalizing ASEAN:* Incompatibility management through good governance/ *Mikio Oishi.* - Singapore: Springer, 2020. - 220p.; 24cm.

327.16 M105C/AV.0012419

106. *North Korea - US relations:* From Kim Jong Il to Kim Jong Un/ *Ramon Pacheco Pardo.* - 2nd Edition. - New York: Routledge, 2020. - 260p.; 24cm.

327.7305193 N434K/AV.0012464

107. *Nuclear deterrence in South Asia:* New technologies and challenges to sustainable peace/ *Rizwana Abbasi, Zafar Khan.* - London: Routledge, 2020. - 227p.; 24cm.

327 N506D/AV.0012445

108. *Political economic perspectives of China's belt and road initiative:* Reshaping regional integration/ *Christian Ploberger.* - London: Routledge, 2020. - 89p.; 22cm.

327.51 P428E/A.0013149

109. *The Syrian conflict: the role of Russia, Iran and the US in a global crisis/* *Ghaidaa Hetou.* - London: Routledge, 2019. - 159p.; 24cm.

327 Th200S/AV.0012432

110. *The 21st century maritime silk road:* Challenges and opportunities for asia and europe/ *Keyuan Zou, Shicun Wu, Qiang Ye.* - London: Routledge, 2020. - 272p.; 24cm.

111. Военно-политическая конфликтология/ Р. В. Пашков. - М.: Русайнс, 2017; 21 см.

Т.1. - 230с.

327 00000/X.0027097

Т.2. - 254с.

327 00000/X.0027096

Т.3. - 252с.

327 00000/X.0027095

Т.4. - 121с.

327 00000/X.0027094

112. Исламский терроризм: Радикализация, рекрутирование, индоктринация: монография/ В. В. Желтов, М. В. Желтов. - 2-е изд., испр. и перераб. - М.: Вузовский учебник: ИНФРА-М, 2019. - 108 с.; 21 см.. - (Научная книга)

327.117 00000/X.0027098

113. Забытые во Вьетнаме/ А. В. Огороков. - М.: Вече, 2016. - 253 с.; 21 см.. - (Локальные войны России)

327.470597 00000/X.0027107

114. Россия и китاي: Две твердыни. Прошрое. Настоящее. Перспективы/ Анатолий Беляков, Олег Матвейчев. - М.: Книжный мир, 2017. - 378.с; 21.см

327.47051 00000/X.0027102

115. <<Гибридная война>> против россия/ Марков, Сергей. - М.: Алгоритм, 2015. - 206.с; 21.см. - (Враги России)

327.12 00000/X.0027104

116. Американская разведка против Сталина/ Н. Н. Платошкин. - М.: Вече, 2017. - 412 с.; 21 см.

327.120973 00000/X.0027109

117. Вхождение в ядерную эру: Атомная дипломатия: от начала к паритету/ Мальков, В. Л.. - М.: <<Международные отношения>>, 2018. - 645 с.; 22 см.

327.174 00000/X.0027086

118. Мировая закулиса против Лутина/ Владимир Большаков. - М.: Алгоритм, 2015. - 334 с.; 21 см.. - (Враги России)

327.12 00000/X.0027108

119. *Международная террористическая организация <<Исламское государство>>*: История, современность: Монография/ В. В. Красинский, В. В. Машко. - М.: ИНФРА-М, 2019. - 107 с.; 21 см.

327.117 00000/X.0027099

120. *Внешняя политика России в условиях глобальной неопределенности*: Монография/ под ред. П. А. Цыганкова. - М.: Издательство <<Русайнс>>, 2019. - 277 с.; 21 см.

327.47 00000/X.0027093

121. *Спорные политические вопросы с точки зрения современной истории*/ Эгберт Ян. - М.: Политическая энциклопедия, 2016. - 350 с.; 22 см.

T.2 : Вызовы мировой политики

327 00000/X.0027103

330 - Kinh tế học

122. *Chức năng kinh tế của nhà nước trong hơn 30 năm đổi mới nhìn từ góc độ pháp lý*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Cương chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 295tr.; 24cm.

330.9597 Ch552N/M.174392 - M.174393 - M.174394; MP.0034908; V.0017423 - V.0017424

123. *Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 2016 - 2018*. - H.: Thống kê, 2019. - 419tr.; 30cm.

330.9597 Đ455T/T.0024357

124. *Lời nguyên tiền mặt*: Sách tham khảo/ Kenneth S. Rogoff; Tuấn Trung dịch. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 459tr.; 21cm.

332.4 L462N/M.174326 - M.174327 - M.174328; MP.0034902 - MP.0034903

125. *Thế giới phẳng*: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21/ Thomas L. Friedman; Nguyễn Hồng Quang,... - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2019. - 719tr.; 23cm.

330.90511 Th250G/M.175044 - M.175045; V.0017589 - V.0017590

333 - Kinh tế đất và năng lượng

126. *Báo cáo thường niên 2018*. - H.: Tổng công ty Phát điện 1, 2018. - 68tr.; 30cm.

333.793209597 B108C/T.0024356

127. *Tài nguyên nước cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - Nghiên cứu trường hợp Israel, Ai Cập, Zimbabwe và Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ Bùi Nhật Quang, Trần Thị Lan Hương. - H.: Khoa học xã hội, 2018. - 263tr.; 21cm.

**333.91 T103N/M.174600 - M.174601 - M.174602; MP.0035053;
VN.0081005 - VN.0081006**

128. *China's hydro-politics in the Mekong*: Conflict and cooperation in light of securitization theory/ *Sebastian Biba*. - London: Routledge, 2018. - 196p.; 23cm.

333.91620959 Ch311H/AV.0012446

129. *Russia's geoeconomic strategy for a greater Eurasia*/ *Glenn Diesen*. - London: Routledge, 2018. - 193p.; 23cm.

3337.4705 R521G/AV.0012447

335 - Chủ nghĩa xã hội

130. *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Trần Đức Luân chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 132tr.; 27cm.

**335.4230711 Gi-108T/LCV.0001985 - LCV.0001986; M.174498 -
M.174499 - M.174500; MP.0034985 - MP.0034986**

131. *Giáo trình triết học Mác - Lênin*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Đỗ Văn Lùng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 188tr.; 27cm.

**335.4110711 Gi-108T/M.174492 - M.174493 - M.174494; MP.0034979 -
MP.0034980**

132. *Tài liệu hỏi đáp tư tưởng Hồ Chí Minh*: Dùng cho học viên quân sự bậc đại học/ *Đàm Thế Vinh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 174tr.; 27cm.

335.4346 T103L/M.174537 - M.174538 - M.174539; MP.0035010

133. *Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*: Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2020. - H.: Lý luận chính trị, 2020. - 144tr.; 15cm.

**335.4346 T116C/M.175085 - M.175086 - M.175087; MP.0035373 -
MP.0035374; VN.0081060 - VN.0081061**

134. *Triết lý hành động Hồ Chí Minh*/ *Yên Ngọc Trung*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 278tr.; 21cm.

**335.4346 Tr308L/M.174398 - M.174399 - M.174400; MP.0034910;
VN.0080965 - VN.0080966**

135. *Rethinking Israel and Palestine*: Marxist perspectives/ *Oded Nir, Joel Wainwright*. - New York: Routledge, 2020. - 186p.; 24cm.

335.4 R207I/AV.0012460

338 - Sản xuất

136. Doanh nghiệp với lộ trình tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0/ Hà Minh Hiệp. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 206tr.; 24cm.

338.709597 D408N/M.174323 - M.174324 - M.174325; V.0017415 - V.0017416

137. Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước cách mạng tháng Tám/ Nguyễn Kiến Giang. - H.: Đại học sư phạm, 2019. - 380tr.; 21cm.

338.109597 Ph101Q/M.174630 - M.174631; VN.0081014, VN.0081092

138. Tài liệu hội thảo chính sách công nghiệp quốc gia của Việt Nam năm 2025 tầm nhìn 2035. - H.: Bộ Công thương, 2017. - 417tr.; 30cm.

338.4809597 T103L/T.0024361

340 - Luật pháp

139. Luật Chứng khoán. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 195tr.; 19cm.

346.5970922 L504C/M.174341 - M.174342 - M.174343; VN.0080939 - VN.0080940

140. Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư - Những vấn đề pháp lý cơ bản: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Dung chủ biên. - Xuất bản lần thứ ba có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 588tr.; 24cm.

346.59707 Ph109L/M.175298 - M.175299 - M.175300; MP.0035557; V.0017619 - V.0017620

141. Pháp quyền và chủ nghĩa hiến pháp - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách tham khảo/ Chủ biên: Vũ Công Giao, Đặng Minh Tuấn. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 432tr.; 24cm.

340 Ph109Q/M.174395 - M.174396 - M.174397; MP.0034909; V.0017425 - V.0017426

142. So sánh Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 với Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009/ Trần Anh Tuấn. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 434tr.; 29cm.

345.597 S400S/M.174317 - M.174318 - M.174319; V.0017411 - V.0017412

143. Thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019): Sách chuyên khảo/ Vũ Thị Phương Lan. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 196tr.; 21cm.

347.597 Th500T/M.175313 - M.175314 - M.175315; MP.0035562; VN.0081118 - VN.0081119

341 - Luật giữa các quốc gia

144. Quyền tài phán của quốc gia trên biển - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo. - H.: Công an nhân dân, 2018. - 375tr.; 21cm.

341.45 Qu603T/M.174612 - M.174613 - M.174614; MP.0035060; VN.0081007 - VN.0081008

145. ASEAN's half century: A political history of the association of Southeast Asian nation/ Donald E. Weatherbee. - London: Rowman littlefield, 2019. - 273p.; 23cm.

341.2473 A109H/AV.0012421

146. Law of the sea in South East Asia: Environmental, navigational and security challenges/ *Donald R. Rothwell, David Letts.* - London: Routledge, 2020. - 270p.; 24cm.

341.450959 L111O/AV.0012440

147. The United Nations and changing world politics: Revised and updated with a new introduction. - 8th Edition. - New York: Routledge, 2020. - 426p.; 23cm.

341.23 Th200U/AV.0012469

148. Understanding ASEAN's role in Asia-Pacific order/ Robert Yates. - Switzerland: Palgrave macmillan, 2019. - 333p.; 22cm.

341.2473 U512A/A.0013136

149. Международное морское право (частное и публичное): учебник/ *под общ. ред. В. Н. Коваля.* - М.: Вузовский учебник: ИНФРА-М, 2019. - 227 с.; 22 см.

341 00000/X.0027087

342 - Luật hiến pháp và hành chính

150. Biên giới quốc gia trên biển và quy chế pháp lý của các vùng biển Việt Nam/ Lê Thái Dũng biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 219tr.; 21cm.

342.5970413 B305G/M.175007 - M.175008 - M.175009; VN.0081046 - VN.0081047

151. Cường chế hành chính - Lý luận và thực tiễn/ Trần Thị Lâm Thi. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 252tr.; 21cm.

342.59706 C561C/M.175310 - M.175311 - M.175312; MP.0035561; VN.0081116 - VN.0081117

152. Hỏi - đáp quyền phụ nữ, quyền trẻ em theo công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam/ Đỗ Xuân Lan. - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 115tr.; 20cm.

342.59708772 H000Đ/M.175074 - M.175075; MP.0035367 - MP.0035368

153. Luật cán bộ, công chức (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung 2019). - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 71tr.; 19cm.

342.597068 L504C/M.174365 - M.174366 - M.174367; VN.0080955 -
VN.0080956

154. *Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2019)*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 66tr.; 19cm.

342.597082 L504N/M.174338 - M.174339 - M.174340; VN.0080937 -
VN.0080938

155. *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và luật viên chức*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 35tr.; 19cm.

342.597068 L504S/M.174368 - M.174369 - M.174370; VN.0080957 -
VN.0080958

156. *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 27tr.; 19cm.

342.59704 L504S/M.174371 - M.174372 - M.174373; VN.0080959 -
VN.0080960

157. *Luật Tổ cáo (hiện hành) và các văn bản hướng dẫn thi hành*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 160tr.; 19cm.

342.597068 L504T/M.175333 - M.175334; VN.0081132 - VN.0081133

158. *Luật Tổ chức Chính phủ (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2019)*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 58tr.; 19cm.

342.59704 L504T/M.174356 - M.174357 - M.174358; VN.0080949 -
VN.0080950

159. *Luật tổ chức chính quyền địa phương (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 155tr.; 19cm.

342.597090 L504T/M.174359 - M.174360 - M.174361; VN.0080951 -
VN.0080952

160. *Luật Viên chức (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2019)*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 55tr.; 19cm.

342.597068 L504V/M.174347 - M.174348 - M.174349; VN.0080943 -
VN.0080944

161. *Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 71tr.; 19cm.

342.597082 L504X/M.174335 - M.174336 - M.174337; VN.0080935 -
VN.0080936

162. *Những câu hỏi thường gặp trong luật cư trú, luật căn cước công dân, luật hộ tịch/Phạm Đình Chi*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 199tr.; 21cm.

342.59708/M.174983 - M.174984 - M.174985; VN.0081042 - VN.0081043

163. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và vấn đề quyền con người trong hiến pháp năm 2013: Sách tham khảo/ *Đào Đình Hiếu*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 327tr.; 21cm.

342.597085/M.174980 - M.174981 - M.174982; VN.0081040 - VN.0081041

343 - Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại, công nghiệp

164. Lịch sử Tòa án Quân sự Quân khu 9 (1947 - 2017)/ Nguyễn Xuân Quyết chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 369tr.; 21cm.

343.014309597 L302S/MP.0035551 - MP.0035552; VN.0081108 - VN.0081109

165. Luật Dân quân tự vệ. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 63tr.; 19cm.

343.59701537 L504D/M.174344 - M.174345 - M.174346; VN.0080941 - VN.0080942

166. Luật Kiểm toán nhà nước (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2019). - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 75tr.; 19cm.

343.597034 L504K/M.174350 - M.174351 - M.174352; VN.0080945 - VN.0080946

167. Luật lực lượng dự bị động viên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 49tr.; 19cm.

343.59701537 L504L/M.174374 - M.174375 - M.174376; VN.0080961 - VN.0080962

168. Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt: Theo nghị định số 100/2019/NĐ-CP Ngày 30/12/2019 của Chính phủ. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 276tr.; 21cm.

343.597094 Qu600Đ/M.175322 - M.175323; VN.0081124 - VN.0081125

169. Cybersecurity law/ Jeff Kosseff. - New Jersey: Wiley, 2017. - 496p.; 24cm.

343.730999 C600L/AV.0012408

170. Military service tribunals and boards in the great war: Determining the fate of Britain's and New Zealand's conscripts/ *David Littlewood*. - London: Routledge, 2018. - 184p.; 23cm.. - (Routledge studies in First World War history)

343.410122 M309S/AV.0012450

344 - Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

171. Bộ luật lao động. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 191tr.; 19cm.

344.59701 B450L/M.174377 - M.174378 - M.174379; VN.0080963 - VN.0080964

172. Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2019). - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 122tr.; 19cm.

344.5970472 L504Q/M.174353 - M.174354 - M.174355; VN.0080947 - VN.0080948

173. Luật Thư viện. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 59tr.; 19cm.

344.597092 L504T/M.174362 - M.174363 - M.174364; VN.0080953 - VN.0080954

350 – Hành chính và quân sự

351 - Hành chính

174. Chế độ quan lại triều Lê Sơ (1428 - 1527) và những giá trị tham khảo cho cải cách chế độ công vụ, công chức ở Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Thị Thu Hòa. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 260tr.; 21cm.

352.609597 Ch250Đ/M.175316 - M.175317 - M.175318; MP.0035563; VN.0081120 - VN.0081121

175. Đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ trong giai đoạn mới: Sách chuyên khảo/ Cao Văn Thống, Vũ Trọng Lâm. - Xuất bản lần thứ hai. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 464tr.; 21cm.

352.609597 Đ452M/M.175327 - M.175328 - M.175329; MP.0035566; VN.0081128 - VN.0081129

176. Giáo trình quản lý nhà nước và công tác hành chính ở xã, phường, thị trấn: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ Nguyễn Văn Hùng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 147tr.; 27cm.

351.0711 Gi-108T/M.174766 - M.174767 - M.174768; MP.0035164 - MP.0035165

177. Giáo trình quản lý nhà nước và công tác hành chính ở xã, phường, thị trấn: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 180tr.; 27cm.

351.0711 Gi-108T/M.174501 - M.174502 - M.174503; MP.0034987 - MP.0034988

355 - Khoa học quân sự

178. Bảo đảm vật chất hậu cần trung đoàn bộ binh chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu vượt cấp từ thường xuyên lên cao/ Nguyễn Ngọc Dương. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 46tr.; 30cm.

355.41109597 B108Đ/T.0024329

179. Bảo đảm vật chất lực lượng thọc sâu của sư đoàn bộ binh tiến công địch tạm dừng ở địa hình trung du/ Đỗ Quang Dinh. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 57tr.; 30cm.

355.41109597 B108Đ/T.0024320

180. Bảo đảm vật chất quân nhu cho lực lượng cơ động chiến dịch phòng ngự trong tác chiến phòng thủ quân khu/ Phạm Văn Hưng. - H.: Học viện Hậu cần, 2018. - 66tr.; 30cm.

355.41109597 B108Đ/T.0024332

181. Bảo đảm vật chất quân nhu trung đoàn bộ binh phòng ngự bờ biển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc/ Dương Quang Bình. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 68tr.; 30cm.

355.41109597 B108Đ/T.0024318

182. Biện pháp bảo đảm vật chất hậu cần bộ đội Biên phòng tác chiến phòng thủ tỉnh Thừa Thiên Huế/ Hoàng Văn Hải. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 66tr.; 30cm.

355.41109597 B305P/T.0024323

183. Biện pháp bổ sung vật chất hậu cần vượt cấp sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du/ Nguyễn Duy Khương. - H.: Học viện Hậu cần, 2018. - 57tr.; 30cm.

355.41109597 B305P/T.0024325

184. Bồi dưỡng phương pháp đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch cho học viên đào tạo cán bộ hậu cần cấp chiến thuật, chiến dịch ở Học viện Hậu cần/ Nguyễn Kiều Bình. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 72tr.; 30cm.

355.009597 B452D/T.0024328

185. Bồi dưỡng văn hóa ứng xử cho sinh viên đào tạo đại học ở Học viện Hậu cần/ Phan Thị Hoàn. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 64tr.; 30cm.

355.0071109957 B452D/T.0024331

186. Chuẩn bị lực lượng vận tải khu vực phòng thủ trong tác chiến phòng thủ tỉnh Nghệ An - Thực trạng và giải pháp/ Cao Xuân Vinh. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 52tr.; 30cm.

355.41109597 Ch502B/T.0024317

187. Giáo trình công tác hậu cần, kỹ thuật trong khu vực phòng thủ: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ Vũ Xuân Hào chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 208tr.; 27cm.

355.80711 Gi-108T/LCV.0001947 - LCV.0001948; MP.0034975 - MP.0034976; V.0017459 - V.0017460

188. Giáo trình công tác quốc phòng, quân sự địa phương: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ Lê Quang Năm chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018; 27cm.

T.1. - 194tr.

355.00711 Gi-108T/LCV.0001980 - LCV.0001981; MP.0034955 - MP.0034956; V.0017451 - V.0017452

T.2. - 140tr.

355.00711 Gi-108T/M.174781 - M.174782 - M.174783; MP.0035184 - MP.0035185

T.2. - 128tr.

355.50711 Gi-108T/LCV.0001970 - LCV.0001971; MP.0034989 - MP.0034990; V.0017463 - V.0017464

189. *Giáo trình công tác tham mưu huấn luyện, chiến đấu phòng thủ xã, phường, thị trấn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Trần Thế Sơn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 152tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/MP.0035168 - MP.0035169; V.0017504 - V.0017505

190. *Giáo trình địa hình quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Huy Đông chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 136tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/MP.0035144 - MP.0035145; V.0017492 - V.0017493

191. *Giáo trình địa hình quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Duy Văn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 92tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/LCV.0002191 - LCV.0002192; MP.0035158 - MP.0035159; V.0017500 - V.0017501

192. *Giáo trình đường lối quốc phòng, an ninh, đối ngoại*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Chân Lý chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 240tr.; 27cm.

355.030711 Gi-108T/MP.0035180 - MP.0035181; V.0017510 - V.0017511

193. *Giáo trình đường lối quốc phòng, an ninh, đối ngoại*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Lê Văn Hiến chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 143tr.; 27cm.

355.030711 Gi-108T/MP.0035162 - MP.0035163; V.0017502 - V.0017503

194. *Giáo trình giáo dục học quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Đỗ Đình Dũng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 104tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/LCV.0001967 - LCV.0001968; M.174760 - M.174761 - M.174762; MP.0035154 - MP.0035155

195. *Giáo trình kỹ thuật đánh gần*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng

ngành quân sự cơ sở/ *Chu Trung Kiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 108tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/LCV.0001882 - LCV.0001883; M.174775 - M.174776 - M.174777; MP.0035174 - MP.0035175

196. *Giáo trình nội dung tổ chức phương pháp làm tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền về công tác quốc phòng, quân sự địa phương ở xã, phường, thị trấn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Đặng Xuân Cường chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 208tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/MP.0034963 - MP.0034964; V.0017455 - V.0017456

197. *Giáo trình phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu dân quân tự vệ*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Đoàn Chí Kiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 132tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/LCV.0002021 - LCV.0002022; MP.0034991 - MP.0034992; V.0017465 - V.0017466

198. *Giáo trình phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu dân quân tự vệ*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Trung Hiếu chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 104tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/LCV.0002019 - LCV.0002020; MP.0034981 - MP.0034982; V.0017461 - V.0017462

199. *Giáo trình phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu dân quân tự vệ*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Trung Hiếu chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 99tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/MP.0035170 - MP.0035171; V.0017506 - V.0017507

200. *Giáo trình quản lý, đội ngũ dân quân tự vệ trong thực hiện nhiệm vụ*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Chủ biên: Lại Huy Chính, Đàm Thanh Sơn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 204tr.; 27cm.

355.610711 Gi-108T/LCV.0001860; M.174748 - M.174749 - M.174750; MP.0035140 - MP.0035141

201. *Giáo trình thể thao quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Phùng Kim Giang chủ biên; biên soạn: Nguyễn Văn Cương, Chu Văn Thùy*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 176tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/M.174477 - M.174478 - M.174479; MP.0034967 - MP.0034968

202. *Giáo trình thể thao và kỹ thuật đánh bắt địch*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Hà Thế Tùng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 200tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/M.174769 - M.174770 - M.174771; MP.0035166 - MP.0035167

203. *Giáo trình tổ chức, phương pháp huấn luyện chiến thuật dân quân tự vệ*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Trần Đình Thiên chủ biên, Trần Văn Tùng, Lê Đình Trung*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 212tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/LCV.0002016; MP.0034995 - MP.0034996; V.0017467 - V.0017468

204. *Giáo trình trình sát - quân sự nước ngoài*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Đỗ Quang Vinh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 152tr.; 27cm.

355.4130711 Gi-108T/MP.0034965 - MP.0034966; V.0017457 - V.0017458

205. *Giáo trình trình sát - quân sự nước ngoài*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Đỗ Quang Vinh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 186tr.; 27cm.

355.4130711 Gi-108T/MP.0034959 - MP.0034960; V.0017453 - V.0017454

206. *Giáo trình xây dựng văn kiện diễn tập và thực hành diễn tập ở xã, phường, thị trấn*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Phạm Hồng Hà chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 188tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/LCV.0001955 - LCV.0001956; M.174778 - M.174779 - M.174780; MP.0035178 - MP.0035179

207. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Duyên Hải (1945-2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 316tr.; 22cm.

355.009597 L302S/MP.0035656 - MP.0035657; VN.0081148 - VN.0081149

208. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Giáo (1945-2015)*/ Biên soạn: Dương Ngọc Hải, Đỗ Thị Tiên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 276tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0035666 - MP.0035667; VN.0081158 - VN.0081159

209. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân quận Đồng Đa (1945 - 2019)*/ Hoàng Đức Sinh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 491tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0002267 - LCV.0002268; MP.0035537 - MP.0035538; V.0017617 - V.0017618

210. *Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Kiên Giang 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*. - Tái bản lần thứ hai có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 360tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0035664 - MP.0035665; VN.0081156 - VN.0081157

211. *Lịch sử Nhà máy Z181*/ Trần Bá Thuận chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 311tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/LC.0015233 - LC.0015234; MP.0035549 -
MP.0035550; VN.0081106 - VN.0081107**

212. *Lịch sử Thanh tra quốc phòng Quân khu 7 (1974 - 2018)/ Lê Hồng Điệp chủ biên. -*
H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 233tr.; 21cm.

**355.68509597 L302S/MP.0035539 - MP.0035540; VN.0081096 -
VN.0081097**

213. *Một số biện pháp nâng cao khả năng vận chuyển vật chất kỹ thuật ở đại Đội vận*
tải ô tô - Tiểu đoàn vận tải 25 - Sư đoàn bộ binh 312 - Quân đoàn 1 trong chuyển trạng
thái sẵn sàng chiến đấu/ Nhữ Văn Hải. - 2018; H.: Học viện Hậu cần. - 60tr.; 30cm.

355.41109597 M458S/T.0024330

214. *Nâng cao chất lượng bảo đảm xăng dầu Lữ đoàn Vận tải 972 - Cục Vận tải trong*
hoạt động thường xuyên/ Đỗ Thế Hùng. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 60tr.; 30cm.

355.41109597 N122C/T.0024321

215. *Nâng cao chất lượng dạy học môn kinh tế chính trị Mác - Lênin cho đối tượng đào*
tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần/ Hoàng Thị
Hạnh. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 70tr.; 30cm.

355.0071109597 N122C/T.0024322

216. *Nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên ở tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Học*
viện Hậu cần/ Nguyễn Đức Tường. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 73tr.; 30cm.

355.009597 N122C/T.0024326

217. *Nền quốc phòng toàn dân trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư/*
Phạm Văn Sơn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 204tr.; 21cm.

**355.033597 N254Q/M.175466 - M.175467 - M.175468; VN.0081164 -
VN.0081165**

218. *Tổ chức sử dụng lực lượng, bố trí hậu cần trung đoàn bộ binh từ tiến công chuyển*
sang phòng ngự trực tiếp tiếp xúc ở địa hình trung du quân khu phía Bắc/ Khương Văn
Vượng. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 60tr.; cm

355.41109597 T450C/T.0024324

219. *Tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí hậu cần trung đoàn không quân tiêm kích*
chiến đấu trên chiến trường miền Trung/ Trịnh Xuân Hiếu. - H.: Học viện Hậu cần,
2019. - 55tr.; 30cm.

355.41109597 T450C/T.0024333

220. *Vận dụng phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh trong giảng dạy của giảng viên trẻ ở*
Học viện Hậu cần/ Nguyễn Thanh Minh. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 72tr.; 30cm.

355.0071109597 V121D/T.0024327

- 221. *Active defense: China's military strategy since 1949*/ M.Taylor Fravel. - Frinceton: Frinceton University Press, 2019. - 376p.; 24cm.
355.00951 A102D/AV.0012433**
- 222. *Empire of defense: Race and the cultural politics of permanent war*/ Joseph Darda. - Chicago: The University of Chicago Press, 2019. - 267p.; 23cm.
355.009730904 E202O/AV.0012435**
- 223. *Maxwell Taylor's cold war: from Berlin to Vietnam*/ Ingo Tauscheweizer. - Kentucky: The University Press of Kentucky, 2019. - 299p.; 24cm.
355.0092 M111T/AV.0012431**
- 224. *Power, ideas and military strategy in the Asia-Pacific: Strategic Asia 2017-18*/ Ashley J. Tellis, Alison Szalwinski, Micheal Wills. - Washington: The National Bureau of Asian Research, 2017. - 244p.; 23cm.
355.033015 P435I/AV.0012434**
- 225. *The official U.S. army combat skills handbook*/ Matt Larsen. - Guiford: Department of the Army, 2018. - 371p.; 22cm.
355.00973 Th200O/A.0013147**
- 226. *The official U.S. Army combatives handbook: Battle - tested hand - to - hand combat*. - Washington: Headquarters Department of the Army, 2017. - 735p.; 28cm.
355.50973 Th200O/AV.0012428**
- 227. *Wars, revolution, dictatorships*: Studies of historical and contemporary problems from a comparative viewpoint/ Stanislaw Andreski. - London: Routledge, 2019. - 232p.; 23cm.
355 W109R/AV.0012455**
- 228. *Армия США: Как все устроено*/ Александр Сладков. - М.: Издательство <<Э>>, 2017. - 316с.; 21см.. - (Армия США глазами военного журналиста)
355.34320973 00000/X.0027089**
- 229. *Военная техника: Полная энциклопедия*/ А. П. Захаров, В. Ю. Исаев. - М.: Эксмо, 2019. - 207 с.; 29 см.
355.803 00000/XV.0004105**
- 230. *Оружие будущего: Какими будут войны нового тысячелетия*/ Игорь Прокопенко. - М.: Издательство <<Э>>, 2017. - 318с.; 21см.. - (Военная тайна с Игорем Прокопенко)
355.8 00000/X.0027088**
- 231. *Тайные операции: Военной разведки*/ Михаил Болтунов. - М.: Яуза, 2017. - 316 с.; 22 см.. - (Запретные войны)
355.00947 00000/X.0027090**

232. Великая Отечественная война/ В. В. Луксо, А. Г. Мерников, А. А. Спектор. - М.: Издательство АСТ, 2015. - 255 с.; 27 см.. - (Военная энциклопедия)

355.003 00000/XV.0004108

233. Основы военной службы: учеббы/ В. Ю. Микрюков. - 2-е изд., испр. и доп.. - М.: ФОРУМ: ИНФРА, 2016. - 383 с.; 25 см.. - (Профессиональное образование)

355.00947 00000/XV.0004114

234. Военное искусство всех времен и народов. - М.: Торговый дом <<Абрис>>, 2018. - 358 с.; 31 см.. - (Мудрость тысячелетий)

355 00000/XV.0004102

235. Артур Артузов: АС разведки и контршпионажа/ Ленчевский, Юрий. - М.: Алгоритм, 2018. - 414 с.; 22 см.

355.0092 00000/X.0027092

358 - Lực lượng không quân và quân chủng kỹ thuật

236. Bảo đảm kỹ thuật Lữ đoàn tăng thiết giáp trong chiến đấu: Dành cho học viên cao học chỉ huy quản lý kỹ thuật, chỉ huy tham mưu kỹ thuật chiến thuật chiến dịch/ Phạm Anh Tuấn chủ biên, Phí Văn Tuấn. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 132tr.; 27cm.

358.180711 B108Đ/LCV.0002309; MP.0035008 - MP.0035009; V.0017471 - V.0017472

237. Bộ đội Tăng thiết giáp Quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Ký ức lịch sử/ Lê Cát Lợi chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 394tr.; 21cm.

358.1809597 B450Đ/LC.0015253 - LC.0015254; MP.0035541 - MP.0035542; VN.0081098 - VN.0081099

238. Flight risk: The coalition's air advisory mission in Afghanistan, 2005 - 2015/ Forrest L. Marion. - Annapolis: Naval Institute Press, 2018. - 356p.; 24cm.

358.4009581 FI309R/AV.0012458

239. P-7: Легендарная <<семерка>>. Ракета королева и гагарина/ Александр Железняков. - М.: Яуза, 2016. - 138с.; 27см.. - (Война и мы. Ракета коллекция)

358.171 00000/XV.0004110

359 - Lực lượng trên biển và cuộc chiến

240. China's maritime gray zone operations/ Erickson, Andrew S., Ryan D. Martinson. - Annapolis: Naval Institute Press, 2019. - 324p.; 24cm.

359.0951 Ch311M/AV.0012459

241. Chinese maritime power in the 21st century: Strategic planning, policy and predictions/ Hu Bo. - New York: Routledge, 2020. - 273p.; 24cm.

359.030951

Ch311M/AV.0012461

242. ВМС великобритании минно-тральные корабли/ Ю. В. Апальков. - СПб.:

<<Галейя Принт>>, 2017. - 143 с.; 30 см.

359.938

00000/XV.0004104

363 - Vấn đề và dịch vụ xã hội

243. An toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp/ Nguyễn Hà Anh biên soạn. -

H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 95tr.; 20cm.

363.119631

A105T/M.175071 - M.175072 - M.175073; MP.0035366

244. Khủng hoảng môi trường có phải nguy cơ hết thuốc chữa?/ Trần Văn Chánh. - Tp.

Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 283tr.; 21cm.

363.7009597

Kh513H/M.175050 - M.175051 - M.175052; MP.0035357

245. Sổ tay truyền thông phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai/ Nguyễn Linh biên soạn. - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 223tr.; 20cm.

363.348

S450T/M.175079 - M.175080 - M.175081; MP.0035370 -

MP.0035371

380 - Thương mại, truyền thông, vận tải

246. Ăn chơi tết miền Tây/ Trần Minh Thương. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2020. - 203tr.; 19cm.

394.269597

Ă115C/M.175082 - M.175083 - M.175084; MP.0035372

247. Biến thể: Những huyền thoại Hy-La chọn lọc và kể lại/ Ovide. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 622tr.; 24cm.

398.209495

B305T/M.174827 - M.174828; V.0017556 - V.0017557

248. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và ảnh hưởng quốc gia trong tình hình mới/ Chủ biên: Phạm Ngọc Anh, Trần Văn Dũng. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 192tr.; 21cm.

382.0951073

Ch305T/M.175307 - M.175308 - M.175309; MP.0035560;

VN.0081114 - VN.0081115

249. Đình Nam Bộ xưa và nay/ Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2018. - 309tr.; 24cm.

394.269597

Đ312N/M.174254 - M.174255 - M.174256; MP.0034873 -

MP.0034874

250. Kinh thi Việt Nam/ Trương Tửu. - H.: Tri thức, 2018. - 177tr.; 21cm.

398.809597

K312T/M.174633 - M.174634 - M.174635; MP.0035067;

VN.0081015 - VN.0081016

251. *Những câu chuyện về 50 người nổi tiếng/ James Baldwin sưu tầm.* - H.: Thanh niên, 2020. - 207tr.; 21cm.

398.2 Nh556C/M.174978 - M.174979; MP.0035317 - MP.0035318

252. *Phác thảo dân tộc học hàng hải Việt Nam/ Pierre Paris; Đỗ Thái Bình dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2018. - 191tr.; 28cm.

387.09597 Ph101T/M.174251 - M.174252 - M.174253; MP.0034871 - MP.0034872

253. *Southeast Asia and the ASEAN economic community/ Roderick Macdonald.* - Switzerland: Palgrave Macmillan, 2019. - 487p.; 22cm.

382.09597 S435A/A.0013137

400- NGÔN NGỮ

254. *Giáo trình tiếng Anh: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ Dương Huy Hiệp,...* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 232tr.; 27cm.

428.00711 Gi-108T/M.174480 - M.174481 - M.174482; MP.0034969 - MP.0034970

255. *Giáo trình tiếng Nga: Dành cho đào tạo liên thông đại học/ Nguyễn Văn Toàn chủ biên, Nguyễn Hoài Thu.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 364tr.; 27cm.

491.78 Gi-108T/M.174531 - M.174532 - M.174533; MP.0035004

256. *Muôn màu lập luận/ Nguyễn Đức Dân.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 330tr.; 20cm.

495.9228 M517M/M.175138 - M.175139; MP.0035402 - MP.0035403

257. *Ngữ âm tiếng Nga thực hành: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ Trương Thị Dung chủ biên, Vũ Thị Đoàn Trang.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 92tr.; 27cm.

491.78 Ng550Â/M.174540 - M.174541 - M.174542; MP.0035011 - MP.0035012

258. *Kỷ yếu hội thảo khoa học nghiên cứu giảng dạy ngoại ngữ ngôn ngữ quốc tế học tại Việt Nam.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 623tr.; 30cm.

407.1 K600Y/T.0024362

500 - KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

259. *Albert Einstein - Mặt nhân bản: Những góc nhìn qua các bức thư từ kho lưu trữ/ Dukas, Helen.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 167tr.; 21cm.

530.92 A103E/M.174621 - M.174622 - M.174623; VN.0081011, VN.0081095

260. Câu chuyện di truyền/ Larry Gonick; Mark Wheelis; Ng. dịch: Công Dung, Nguyệt Anh. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 224tr.; 24cm.

576.5 C125C/M.175104 - M.175105; MP.0035380 - MP.0035381

261. Giáo trình hóa vô cơ - hữu cơ: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Đồng chủ biên: Bạch Thị Tâm, Lê Văn Dũng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 291tr.; 27cm.

540.711 Gi-108T/M.174510; V.0017350 - V.0017351

262. Giáo trình toán ứng dụng: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Đào Thị Nhung chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 118tr.; 27cm.

519.0711 Gi-108T/LCV.0001949 - LCV.0001950; M.174486 - M.174487 - M.174488; MP.0034973 - MP.0034974

263. Một đêm/ Trịnh Xuân Thuận; Ng. dịch: Phạm Văn Thiều, Phạm Việt Hưng. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 276tr.; 21cm.

523.1 M458Đ/M.175115 - M.175116; MP.0035382 - MP.0035383

264. Những trầm tích địa danh/ Nguyễn Thanh Lợi. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2018. - 313tr.; 24cm.

501.303 Nh556T/M.174257 - M.174258 - M.174259; MP.0034875 - MP.0034876

600 - CÔNG NGHỆ

265. Một số vấn đề về khoa học, khoa học công nghệ và hợp tác khoa học: 12 tài liệu. - H.: Viện Thông tin khoa học xã hội, 2020. - 90tr.; 30cm.

600 M458S/T.0024339

610 - Y học

266. Giáo trình hệ chuyên gia y tế: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành điện tử y sinh, kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Mai Ngọc Anh chủ biên, Nguyễn Thị Ngọc Mai.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 262tr.; 27cm.

610.711 Gi-108T/M.174522 - M.174523

267. Giáo trình huyết học - truyền máu: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Nguyễn Khánh Hội, Thái Danh Tuyên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 135tr.; 27cm.

615.390711 Gi-108T/M.174511 - M.174512 - M.174513; MP.0035000 - MP.0035001

268. Giáo trình ngoại khoa dã chiến: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Nguyễn Tiến Bình, Nguyễn Trường Giang.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 532tr.; 27cm.

616.98023 Gi-108T/M.174514 - M.174515 - M.174516

269. Phòng ngừa tai nạn, thương tích trong gia đình/ Phạm Văn Nhân. - In lần 2 có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 192tr.; 21cm.

616.024 Ph431N/M.175156 - M.175157; MP.0035420 - MP.0035421

270. Tâm bệnh học/ Phạm Toàn. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 544tr.; 20cm.

616.89 T120B/M.175162 - M.175163; VN.0081084 - VN.0081085

271. Мелдицинская подготовка спецназа: Учебнопрактическое пособие для курсантов и слушателей военных учебных заведений/ *О. В. Шелесе.* - 2-е изд.. - М.: Академический проект, 2016. - 142 с.; 21 см.. - (Gaudeamus)

616.98023 00000/X.0027105

620 - Kỹ thuật

272. Cao su Hidrocacbon lỏng: Tài liệu phục vụ đào tạo cao học ngành kỹ thuật hóa học/ *Mogilevich M.M., Turov B.S.,...*; *Biên dịch: Phan Đức Nhân, Đoàn Minh Khai.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 290tr.; 27cm.

620.1940711 C108S/M.174543 - M.174544 - M.174545; MP.0035013

273. Giáo trình cơ sở truyền động điện: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Phạm Tuấn Thành chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 242tr.; 27cm.

621.30711 Gi-108T/M.174520 - M.174521, M.175932 - M.175933 - M.175934; MP.0036062 - MP.0036063

274. Giáo trình phân tích và mô phỏng các hệ truyền động điện tự động: Dùng cho đào tạo chuyên ngành kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Phạm Tuấn Thành chủ biên, Nguyễn Ngọc Tuấn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 370tr.; 27cm.

621.30711 Gi-108T/M.174534 - M.174535 - M.174536; MP.0035005

275. Giáo trình động lực học chuyển động thẳng ô tô: Dùng cho đào tạo cao học chuyên ngành ô tô/ *Vũ Đức Lập chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 149tr.; 27cm.

629.250711 Gi-108T/M.174151, M.174526; V.0017368 - V.0017369

276. Giáo trình thiết kế hệ thống pháo phản lực bắn loạt: Dùng cho đào tạo cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Thái Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 394tr.; 27cm.

624.0711 Gi-108T/MP.0034848, MP.0034999; V.0017370 - V.0017371

623 - Kỹ thuật quân sự và hàng hải

277. Các nguyên lý cơ bản tính toán quỹ đạo của các thiết bị bay: Dùng cho đào tạo học viên chuyên ngành vũ khí, đạn, thiết kế đạn tên lửa/ *Biên dịch: Lê Minh Thái, Vũ Nhật Minh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 113tr.; 27cm.

623.451 C101N/M.174524 - M.174525

278. Giáo trình cơ sở khai thác trang bị vũ khí: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí/ *Trần Công Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 400tr.; 27cm.

623.40711

Gi-108T/MP.0035014 - MP.0035015; V.0017473 - V.0017474

279. Giáo trình đánh giá độ tin cậy của trang bị vũ khí trong quá trình thiết kế và khai thác: Dành cho đào tạo sau đại học chuyên ngành vũ khí/ *Trần Công Dũng chủ biên, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Hưng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 283tr.; 27cm.

623.40711

Gi-108T/LCV.0002313; MP.0034847, MP.0035002;

V.0017364 - V.0017365

280. Giáo trình tổng hợp các thông số kết cấu của hệ thống vũ khí tích hợp: Dành cho đào tạo thạc sĩ quân sự chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Việt Trung chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 183tr.; 27cm.

623.40711

Gi-108T/MP.0035006 - MP.0035007; V.0017469 - V.0017470

281. Камуфляж и бортовые эмблемы авиатехники советских ВВС в афганской кампании/ Виктор Марковский, Игорь Приходченко. - М.: Яуза, 2017. - 183с.; 27см.. - (Война и мы. Авиакolleкция. <<Бортовая живопись>>)

623.746

00000/XV.0004107

282. СУ-24 Всё о грозном штурмовике фронтовом бомбардировщике/ Виктор Марковский, Игорь Приходченко. - М.: Яуза: Эксмо, 2016. - 173 с.; 27 см.

623.746

00000/XV.0004112

283. СУ-25 <<Грач>>. Всё о грозном штурмовике/ Виктор Марковский, Игорь Приходченко. - М.: Яуза: Эксмо, 2016. - 159 с.; 27 см.

623.746

00000/XV.0004109

284. Танки: От создания до современности. Сравнение и сопоставление/ *Мартин Дж. Догерти, Майкл Е. Хаскью.* - М.: АСТ, 2016. - 239 с.; 29 см.

623.74752

00000/XV.0004106

285. МИ-8: Полвека в строю/ *Виктор Марковский, Игорь Приходченко.* - М.: Яуза: Эксмо, 2016. - 143 с.; 27 см.

623.746

00000/XV.0004111

630 - Nông nghiệp

286. Bảo vệ môi trường trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản/ Biên soạn: *Nguyễn Hồng Minh, Nguyễn Thanh Phong, Trần Trung Việt.* - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 115tr.; 20cm.

630.2086

B108V/M.175068 - M.175069 - M.175070; MP.0035365

287. Thay đổi vì con: "Thuốc đắng" tặng cha mẹ thời 4.0/ *Nguyễn Chí Hiếu.* - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2020. - 277tr.; 21cm.

649.1

Th112Đ/M.175058 - M.175059 - M.175060

288. *Thực hành nông nghiệp hữu cơ/ Phạm Quang Tin.* - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 175tr.; 20cm.

631.584 Th552H/M.175076 - M.175077 - M.175078; MP.0035369

650 - Quản lý và dịch vụ phụ trợ

289. *Chạm tay hóa vàng/ Donal J. Trump, Robert T. Kiyosaki; Ng.dịch: Trung Tín, Thiên Kim, Ngọc Huyền.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 340tr.; 20cm.

658.11 Ch104T/M.175117 - M.175118; MP.0035384 - MP.0035385

290. *Chín suy nghĩ sai lầm về công việc/ Marcus Buckingham; Ashley Goodall; Phạm Thị Quế Anh dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 432tr.; 21cm.

650 Ch311S/M.175123 - M.175124; MP.0035390 - MP.0035391

291. *Con đường khởi nghiệp:* Các công ty hiện đại sử dụng quản trị khởi nghiệp như thế nào để chuyển đổi văn hóa và điều khiển tăng trưởng dài hạn/ *Eric Ries; Đặng Nguyễn Hiếu Trung dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 420tr.; 23cm.

658.421 C429Đ/M.175088 - M.175089; MP.0035375 - MP.0035376

292. *Giáo trình ma sát, mài mòn và kỹ thuật bôi trơn:* Dành cho đào tạo cao học ngành kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật/ *Chủ biên: Nguyễn Trường Sinh, Lê Công Ích, Đỗ Văn Quỳnh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 178tr.; 27cm.

671.3 Gi-108T/M.174549 - M.174550 - M.174551; MP.0035017

293. *Lãnh đạo giỏi phải biết tạo niềm vui:* Đổi mới tư duy quản trị trong thời đại 4.0/ *Jurgen Appelo; Ng.dịch: Việt Hưng, Diệu Hằng, Hồng Hạnh.* - H.: Công thương, 2019. - 279tr.; 19cm.

658.314 L107Đ/M.174597 - M.174598 - M.174599; MP.0035051 - MP.0035052

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

294. *Cụ Phó bảng Minh Xuyên Hoàng Yến và tác phẩm Cầm học tầm nguyên:* Khảo - chú - luận. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2019. - 441tr.; 24cm.

787.709597 C500P/M.175432 - M.175433 - M.175434; MP.0035640 - MP.0035641

295. *Giáo trình thiết kế tổng mặt bằng cảng hàng không, sân bay:* Dành cho đào tạo chuyên ngành xây dựng sân bay/ *Hoàng Đình Đạm chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 295tr.; 27cm.

725.390711 Gi-108T/LCV.0002307; M.174150, M.174527; V.0017366 - V.0017367

296. *Một thế kỷ hình thành, phát triển của nghệ thuật cải lương ở Việt Nam (1918-2018) - Những vấn đề đặt ra, định hướng và giải pháp phát triển:* Nghiên cứu, lý luận, phê bình. - H.: Sân khấu, 2018. - 550tr.; 21cm.

781.62009597 M458T/M.175447 - M.175448 - M.175449; MP.0035648 - MP.0035649

297. *Một thời để nhớ*: Nghiên cứu, lý luận, phê bình và ghi chép, sáng tác nhạc/ *Nguyễn Thế Phiệt*. - H.: Sân khấu, 2018. - 550tr.; 21cm.

781.620092 M458T/M.175441 - M.175442 - M.175443

298. *Nghệ thuật tuồng - Di sản quý của dân tộc*/ Hoàng Chương. - H.: Sân khấu, 2018. - 350tr.; 21cm.

792.509597 Ngh250T/M.175456 - M.175457 - M.175458; MP.0035654 - MP.0035655

299. *Sức sống đời nghệ sĩ*: Nghiên cứu, lý luận, phê bình, ghi chép/ *Sỹ Tiến*. - H.: Sân khấu, 2018. - 384tr.; 21cm.

781.620092 S552S/M.175450 - M.175451 - M.175452; MP.0035650 - MP.0035651

300. *Pele: Cuộc đời và thời đại*/ Harry Harris; Ng.dịch: Nguyễn Dương Hiếu, Lê Anh. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 324tr.; 23cm.

796.334092 P201C/M.175098 - M.175099 - M.175100; V.0017595 - V.0017596

301. *Phong cách Barcelona*: Giải mã ADN của nền văn hóa chiến thắng/ *Damian Huges*; Ng.dịch: Nguyễn Dương Hiếu, Lê Minh Loan, Lê Anh Tú. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 328tr.; 23cm.

796.334096672 Ph431C/M.175096 - M.175097; MP.0035378 - MP.0035379

302. *Thăng hoa cùng hành trình sáng tạo*: Nghiên cứu, lý luận, phê bình/ *Lê Thị Bích Hồng*. - H.: Sân khấu, 2018. - 500tr.; 24cm.

792.09597 Th116H/M.175429 - M.175430 - M.175431; MP.0035638 - MP.0035639

800 - VĂN HỌC

303. *Văn học hậu hiện đại*/ Lê Huy Bắc. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 428tr.; 24cm.

809.9113 V115H/M.174835 - M.174836; V.0017564 - V.0017565

810 – Văn học châu Mỹ

304. *Các cô Katherine*/ John Green; Hương Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 312tr.; 20cm.

813.6 C101C/M.175178 - M.175179; MP.0035439 - MP.0035440

305. *Chân dung một gián điệp*/ Daniel Silva; Tổ Quyên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 538tr.; 20cm.

813.6 Ch121D/M.175121 - M.175122; MP.0035388 - MP.0035389

306. *Chuyện may rủi*/ Cynthia Kadohata; Khuê Tú dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 280tr.; 20cm.

813.6 Ch527M/M.175180 - M.175181; MP.0035441 - MP.0035442

307. *Chuyện về Ellie*: Chú chó trong tiểu thuyết "Mục đích sống của một chú chó"/ W. Bruce Cameron; Võ Thoại Dung dịch. - Tp. Hồ Chí Minh.: Nxb. Trẻ, 2020. - 224tr.; 20cm.

813.914 Ch527V/M.175184 - M.175185; MP.0035445 - MP.0035446

308. *Chuyện về Molly*: Chú chó trong tiểu thuyết Mục đích sống của một chú chó/ W. Bruce Cameron; Xuân Uyên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 232tr.; 20cm.

813.6 Ch527V/M.175119 - M.175120; MP.0035386 - MP.0035387

309. *Con búp bê chấp vá*: Tiểu thuyết/ Irene Hannon; Ng.dịch: Lộc Diệu Linh, Trương Huế. - H.: Thanh Niên, 2018. - 424tr.; 21cm.

813.6 C429B/M.175404 - M.175405; MP.0035616 - MP.0035617

310. *Hai cô gái người ta*: Tiểu thuyết/ Jodi Picoult; Trần Nguyên Hương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 780tr.; 20cm.

813.54 H103C/M.175152 - M.175153; MP.0035416 - MP.0035417

311. *Lẽ cầu hôn*: Tiểu thuyết/ Lauren Oliver; Quách Cẩm Phương dịch. - H.: Thanh Niên, 2017. - 436tr.; 21cm.

813.6 L250C/M.175394 - M.175395; MP.0035606 - MP.0035607

312. *Mắc kẹt*: Tiểu thuyết trinh thám/ Robert Dugoni; Quách Cẩm Phương dịch. - H.: Thanh niên, 2018. - 564tr.; 21cm.

813.6 M113K/M.175392 - M.175393; MP.0035604 - MP.0035605

313. *Outlander - Vòng tròn đá thiêng*: Tiểu thuyết/ Diana Gabaldon; Khánh Vân dịch. - H.: Thanh niên, 2017. - 456tr.; 24cm.

813.54 O-000V/M.175366 - M.175367; MP.0035578 - MP.0035579

314. *Trắng đất trống*: Tiểu thuyết trinh thám/ Robert Dugoni; Đỗ Hoàng Nguyên dịch. - H.: Thanh Niên, 2018. - 432tr.; 21cm.

813.6 Tr106Đ/M.175396 - M.175397; MP.0035608 - MP.0035609

315. *Túp lều Bác Tôm*: Tiểu thuyết/ Harriet Beecher Ltoue; Đỗ Đức Hiếu dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H.: Văn học, 2018. - 464tr.; 21cm.

813 T521L/M.175378 - M.175379; MP.0035590 - MP.0035591

820 – Văn học tiếng Anh

316. *Kẻ trộm voi*: Tiểu thuyết/ Jane Kerr; Phạm Minh Trang dịch. - H.: Lao Động, 2018. - 376tr.; 21cm.

823 K200T/M.175390 - M.175391; MP.0035602 - MP.0035603

317. *Ruồi trâu*: Tiểu thuyết/ *Ethel L. Voynich*; Hà Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H.: Văn học, 2017. - 512tr.; 21cm.

823 R515T/M.175380 - M.175381; MP.0035592 - MP.0035593

318. *Truyền thuyết thành Troy Hy Lạp*: Tiểu thuyết/ *Andrew Lang*; Đặng Thị Huệ dịch. - H.: Văn học, 2017. - 544tr.; 21cm.

823.8 Tr527T/M.175382 - M.175383; MP.0035594 - MP.0035595

840 – Văn học tiếng Pháp và văn học ngôn ngữ Rôman

319. *Hai vạn dặm dưới đáy biển*: Tiểu thuyết/ *Jules Verne*; Đỗ Ca Sơn dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H.: Văn học, 2019. - 431tr.; 21cm.

843 H103V/M.175412 - M.175413; MP.0035622 - MP.0035623

320. *Trưởng thành khi biết khoan dung*: Tiểu thuyết/ *Gérard Salem*; Trần Thị Ánh Thu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 252tr.; 20cm.

843.92 Tr561T/M.175186 - M.175187; MP.0035447 - MP.0035448

850 - Văn học tiếng Italy, tiếng Dalmatia, tiếng Romania, tiếng Rhaetia, tiếng Sardinia, tiếng Corsican

321. *Chuyện tình ma nữ trong truyền kỳ Đông Á (Trung Quốc - Korea - Việt Nam - Nhật Bản)*: Phan Thị Thu Hiền chủ biên. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2017. - 303tr.; 14cm.

850 Ch527T/M.175463 - M.175464 - M.175465

322. *Những tấm lòng cao cả*: Tiểu thuyết/ *Edmondo De Amicis*; Hoàng Thiều Sơn dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Văn học, 2018. - 344tr.; 21cm.

853 Nh556T/M.175376 - M.175377; MP.0035588 - MP.0035589

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể

323. *Bà nội du học*: Truyện dài/ *Lê Lan Anh*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 400tr.; 20cm.

895.92234 B100N/M.175150 - M.175151; MP.0035414 - MP.0035415

324. *Bạch Đằng tráng khúc*: Bút kí. - H.: Thanh niên, 2020. - 235tr.; 21cm.

895.9228403 B102Đ/M.174988 - M.174989; MP.0035321 - MP.0035322

325. *Bên cung đường Trường Sơn*. - H.: Thanh niên, 2020. - 294tr.; 21cm.

895.9228403 B254C/M.174993 - M.174994; MP.0035323 - MP.0035324

326. *Bên dòng sông Thảo*. - H.: Lao động, 2020. - 195tr.; 21cm.

895.92234 B254D/M.175001 - M.175002; MP.0035331 - MP.0035332

327. *Bức thư bị lãng quên*: Tiểu thuyết/ *Cố Tây Tước; Nguyễn Thu Phương dịch*. - H.: Văn học, 2019. - 576tr.; 21cm.

895.136 B552T/M.175400 - M.175401; MP.0035612 - MP.0035613

328. *Bước đường cùng*: Truyện/ *Nguyễn Công Hoan*. - Tái bản lần thứ 4. - H.: Văn học, 2017. - 223tr.; 21cm.

895.922332 B557Đ/M.175424 - M.175425; MP.0035634 - MP.0035635

329. *Bướm đuôi nhọn*: Tiểu thuyết trinh thám/ *Mitsutaka Yuuki; Yên Châu dịch*. - H.: Văn học, 2018. - 327tr.; 21cm.

895.636 B559Đ/M.175410 - M.175411; MP.0035620 - MP.0035621

330. *Cảm ơn vì đã được thương*: Tản văn/ *Minh Phúc*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr.; 20cm.

895.9228408 C104O/M.175164 - M.175165; MP.0035425 - MP.0035426

331. *Cay đắng mùi đời*: Tiểu thuyết/ *Hồ Biểu Chánh*. - H.: Hội nhà văn, 2018. - 288tr.; 21cm.

895.922332 C112Đ/M.175406 - M.175407; MP.0035618 - MP.0035619

332. *Căn hộ số 203*: *Kamon Nanami; Nguyễn Phương Chi dịch*. - Tái bản lần thứ nhất. - H.: Thanh niên, 2018. - 215tr.; 21cm.

895.636 C115H/M.175420 - M.175421; MP.0035630 - MP.0035631

333. *Chạy trốn mặt trời*: Tản văn/ *Minh Nhật*. - Tái bản lần thứ nhất. - H.: Thanh Niên, 2017. - 176tr.; 21cm.

895.9228408 Ch112T/M.175418 - M.175419; MP.0035628 - MP.0035629

334. *Chơi ngải*: Tiểu thuyết/ *Vương Thịnh; Vũ Như Lê dịch*. - Tái bản lần 1. - H.: Thanh niên, 2019. - 519tr.; 24cm.

895.136 Ch462N/M.175368 - M.175369; MP.0035580 - MP.0035581

335. *Chung dãy Trường Sơn*. - H.: Văn học, 2020. - 211tr.; 21cm.

895.922403 Ch513D/M.175010 - M.175011; MP.0035337 - MP.0035338

336. *Chuyện ở Đại đội Ba*: *Thái Nam Anh*. - H.: Lao động, 2020. - 161tr.; 21cm.

895.9228403 Ch527O/M.175012 - M.175013; MP.0035339 - MP.0035340

337. *Chuyện tình kim chi - Nói yêu em giữa Ulsan lộng gió*: Tiểu thuyết/ *Tân Viên*. - H.: Thanh Niên, 2018. - 239tr.; 21cm.

895.92234 Ch527T/M.175414 - M.175415; MP.0035624 - MP.0035625

338. *Công lý như mặt trời*: Tập kịch bản/ *Vương Huyền Cơ*. - H.: Sân khấu, 2018. - 376tr.; 21cm.

- 895.92224 C455L/M.175438 - M.175439 - M.175440; MP.0035644 - MP.0035645**
- 339. *Đám cưới không có giấy giá thú*:** Tiểu thuyết/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Văn Học, 2017. - 528tr.; 21cm.
895.922334 Đ104C/M.175386 - M.175387; MP.0035598 - MP.0035599
- 340. *Đen trắng*:** Tiểu thuyết/ *Triều Tiểu Thành; Thúy Ngọc dịch*. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Văn học, 2019. - 640tr.; 21cm.
895.136 Đ203T/M.175384 - M.175385; MP.0035596 - MP.0035597
- 341. *Đêm xuân biên giới*.** - H.: Lao động, 2020. - 186tr.; 21cm.
895.9228403 Đ253X/M.174999 - M.175000; MP.0035329 - MP.0035330
- 342. *Điện phạm và vấn đề điện phạm hóa trong văn học Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông)*/ Đỗ Thu Hiền.** - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2019. - 515tr.; 21cm.
895.92209 Đ305P/M.174609 - M.174610 - M.174611; MP.0035058 - MP.0035059
- 343. *Diệp vụ "tuyển quân"*.** - H.: Lao động, 2020. - 198tr.; 21cm.
895.92234 Đ307V/M.175014 - M.175015; MP.0035341 - MP.0035342
- 344. *Đôi bàn tay mẹ*:** Tập truyện ngắn/ *Hồ Xuân Đà*. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2020. - 243tr.; 21cm.
895.92234 Đ452B/M.175053 - M.175054 - M.175055; MP.0035358 - MP.0035359
- 345. *Đông Cung*:** Tiểu thuyết/ *Phỉ Ngã Tư Tồn; Phương Sang dịch*. - Tái bản lần thứ 6. - H.: Văn Học, 2019. - 528tr.; 21cm.
895.136 Đ455C/M.175388 - M.175389; MP.0035600 - MP.0035601
- 346. *Gặp gỡ ở La Pan Tẩn*:** Tiểu thuyết/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Văn học, 2017. - 332tr.; 21cm.
895.922334 G117G/M.175398 - M.175399; MP.0035610 - MP.0035611
- 347. *Giới hạn*:** Tiểu thuyết/ *Trần Ngọc Dương*. - H.: Thanh niên, 2020. - 263tr.; 21cm.
895.92234 Gi-462H/M.174986 - M.174987; MP.0035319 - MP.0035320
- 348. *Giương mặt kẻ khác*:** Tập kịch bản văn học/ *Bích Ngân*. - H.: Sân khấu, 2018. - 400tr.; 21cm.
895.92224 G561M/M.175453 - M.175454 - M.175455; MP.0035652 - MP.0035653
- 349. *Hai khối tình*:** Tiểu thuyết/ *Hồ Biểu Chánh*. - H.: Hội nhà văn, 2018. - 212tr.; 21cm.
895.922332 H103K/M.175408 - M.175409

350. *Hoa xuân nở thắm biên cương*/ Nguyễn Văn Học. - H.: Văn học, 2020. - 199tr.; 21cm.

895.9228408 H401X/M.174997 - M.174998; MP.0035327 - MP.0035328

351. *Hồi sinh từ kiếp quý*: Tiểu thuyết/ Thủy Hợp; Nghiêm Thanh Ngọc dịch. - H.: Văn học, 2017. - 480tr.; 23cm.

895.136 H452S/M.175372 - M.175373; MP.0035584 - MP.0035585

352. *Khắc khoải tiếng mõ bên sông*: Ký sự/ Vương Tâm. - H.: Văn học, 2020. - 194tr.; 21cm.

895.9228403 Kh113K/M.175003 - M.175004; MP.0035333 - MP.0035334

353. *Không gian song song*: Tiểu thuyết/ Ngô Trầm Thủy; Dennis Q dịch. - H.: Văn học, 2017. - 496tr.; 24cm.

895.136 Kh455G/M.175364 - M.175365; MP.0035576 - MP.0035577

354. *Kiếp người trôi ngược*: Tập truyện ngắn/ Phan Đức Lộc. - H.: Thanh Niên, 2018. - 199tr.; 21cm.

895.92234 K307N/M.175422 - M.175423; MP.0035632 - MP.0035633

355. *Ký sự người đàn bà bị chồng bỏ*/ Nguyễn Thị Minh Ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 320tr.; 20cm.

895.92234 K600S/M.175134 - M.175135; MP.0035398 - MP.0035399

356. *Làm đĩ*: Tiểu thuyết/ Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 4. - H.: Văn học, 2019. - 223tr.; 21cm.

895.922332 L104Đ/M.175416 - M.175417; MP.0035626 - MP.0035627

357. *Ma bùn, lưu manh và những câu chuyện khác của Nguyễn Trí*: Tập truyện ngắn/ Nguyễn Trí. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 240tr.; 20cm.

895.92234 M100B/M.175182 - M.175183; MP.0035443 - MP.0035444

358. *Mặt nạ hoàn hảo*: Tiểu thuyết trinh thám/ Ryohei Sasamoto; Phùng Thanh Tâm dịch. - H.: Văn học, 2018. - 408tr.; 23cm.

895.636 M118N/M.175374 - M.175375; MP.0035586 - MP.0035587

359. *Ngày trở về*/ Trần Thị Thắng. - H.: Thanh niên, 2020. - 267tr.; 21cm.

895.9228403 Ng112T/M.174995 - M.174996; MP.0035325 - MP.0035326

360. *Ngôi nhà mặt tiền và các truyện vừa khác*: Tập truyện/ Sơn Nam. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 290tr.; 20cm.

895.922334 Ng452N/M.175188 - M.175189; MP.0035449 - MP.0035450

361. *Nhà văn, nhà viết kịch Thanh Hương - Cuộc đời và sự nghiệp*. - H.: Sân khấu, 2018. - 384tr.; 21cm.

895.922234 Nh100V/M.175444 - M.175445 - M.175446; MP.0035646 - MP.0035647

362. Nhận diện các xu hướng vận động và phát triển của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện nay. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 696tr.; 24cm.

895.92209 Nh121D/M.174386 - M.174387 - M.174388; MP.0034906 - MP.0034907

363. Nhật ký Vũ Xuân/ Vũ Xuân. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 332tr.; 19cm.

895.9228403 Nh124K/M.175472 - M.175473 - M.175474; MP.0035678 - MP.0035679

364. Những ngã tư không đèn đỏ: Tản văn/ *Trương Huỳnh Như Trân.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 156tr.; 21cm.

895.9228408 Nh556N/M.174846 - M.174847 - M.174848; MP.0035246

365. Phê bình sinh thái với văn xuôi Nam Bộ/ Bùi Thanh Truyền chủ biên. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2018. - 297tr.; 21cm.

895.9228408 Ph250B/M.174263 - M.174264 - M.174265; MP.0034877 - MP.0034878

366. Tắm ván phóng dao: Tiểu thuyết/ *Mạc Can.* - In lần 4. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 232tr.; 20cm.

895.92234 T120V/M.175176 - M.175177; MP.0035437 - MP.0035438

367. Thượng Hải - Tokyo - Hà Nội - Seoul trong văn chương Đông Á đầu thế kỷ XX/ Phan Thị Thu Hiền chủ biên. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2017. - 365tr.; 14cm.

895 Th561H/M.175460 - M.175461 - M.175462

368. Thương những ngày ...: Tập truyện/ *Trần Bảo Định.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 353tr.; 20cm.

895.92234 Th561N/M.174849 - M.174850 - M.174851; MP.0035247 - MP.0035248

369. Tiếng thét: Tiểu thuyết trinh thám/ *Hamanaka Aki; Trần Yên Châu dịch.* - H.: Văn học, 2018. - 572tr.; 23cm.

895.636 T306T/M.175370 - M.175371; MP.0035582 - MP.0035583

370. Trả giá: Khi xuống tay với kẻ khác, ta cũng đang giết chết chính mình/ *Dmitry Glukhovsky; Phan Xuân Lan dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2020. - 463tr.; 21cm.

891.735 Tr100G/M.175061 - M.175062 - M.175063; MP.0035360

371. Truyện Kiều - Bản Duy Minh Thị 1872/ Nguyễn Du; An Chi phiên âm. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 595tr.; 23cm.

895.92212

Tr527K/M.174841 - M.174842; V.0017570 - V.0017571

372. *Trước khi nhắm mắt*: Tiểu thuyết trinh thám/ *Keigo Higashino*; *Phương Chi dịch*. - H.: Thanh Niên, 2018. - 396tr.; 21cm.

895.636 Tr557K/M.175402 - M.175403; MP.0035614 - MP.0035615

373. *Về miền khói thơm*: Ký sự/ *Vương Tâm*. - H.: Văn học, 2020. - 177tr.; 21cm.

895.9228403 V250M/M.175005 - M.175006; MP.0035335 - MP.0035336

374. *Vừa đi vừa nghĩ suy vừa nhìn*: Tập truyện ngắn/ *Mạc Can*. - In lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh.: Nxb. Trẻ, 2020. - 190tr.; 20cm.

895.92234 V551Đ/M.175174 - M.175175; MP.0035435 - MP.0035436

375. *Vượt qua nỗi sợ - Một quan niệm sống tích cực*: Tập bút/ *Nguyễn Minh Hải*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 220tr.; 21cm.

895.9228408 V563Q/M.174843 - M.174844 - M.174845; MP.0035245

376. *Xin chào tình đã hôm qua*: Tản văn/ *Ann Lee*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 208tr.; 20cm.

895.9228408 X311C/M.175166 - M.175167; MP.0035427 - MP.0035428

900 - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

377. *Vàng son một thuở Ba Tư*: Tập du ký/ *Nguyễn Chí Linh*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 251tr.; 24cm.

915.504 V106S/M.174824 - M.174825 - M.174826; MP.0034766

940 – Lịch sử châu Âu

378. *Inside the mind of Vladimir Putin*/ *Michel Eltchaninoff*. - London: Hurst, 2017. - 195p.; 19cm.

947.0862092 I-312T/A.0013135

379. *Vladimir Putin - The biography*. - Wroclaw: University Press, 2019. - 61p.; 20cm.

947.0862092 VI102P/A.0013134

380. *Vladimir Putin: Life coach*. - Ediburgh: Canongate, 2018. - 144p.; 22cm.

947.0862092 VI102P/A.0013131

381. *Воспоминания и размышления*/ *Г. К. Жуков*. - М.: Вече, 2017. - 638 с.; 25 см.. - (Военные мемуары)

947.08 00000/XV.0004113

950 – Lịch sử châu Á

382. *Mưu lược trong chính trị, quân sự và đời sống*/ *Quách Thành; Tiến Thành biên*

dịch. - Tái bản lần 3. - H.: Hồng Đức, 2019. - 295tr.; 21cm.. - (100 câu chuyện hay thế giới)

951 M566L/M.174624 - M.174625 - M.174626; MP.0035064 - MP.0035065

384. *Making China modern: From the great Qing to Xi Jinping/ Klaus Muhlhahn.* - London: The Belknap Press of Harvard University Press, 2019. - 717p.; 24cm.

951 M103C/AV.0012416

385. *The fight for China's future: Civil society vs. the chinese communist party/ Willy Wo-Lap Lam.* - London: Routledge, 2020. - 234p.; 23cm.

951.0612 Th200F/AV.0012453

386. *The U.S. army in the Iraq war/ Joel D. Rayburn.* - Carlisle: U.S. Army War College Press, 2019. - 696p.; 25cm.

Vol.1 : Invasion, insurgency, civil war 2003-2006

956.70443 Th200U/AV.0012429

387. *The war for Syria: Regional and international dimensions of the Syrian uprising/ Raymond Hinnebusch, Adham Saouli.* - London: Routledge, 2020. - 326p.; 23cm.

956.910423 Th200W/AV.0012449

959 - Đông Nam Á

388. *Bác Hồ thời niên thiếu ở Huế/ Nguyễn Đắc Xuân.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 88tr.; 21cm.. - (Di sản Hồ Chí Minh)

959.704092 B101H/M.175125 - M.175126; MP.0035392 - MP.0035393; VN.0081064 - VN.0081065

389. *Bình Định - Danh thắng và di tích/ Vũ Minh Giang.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 278tr.; 24cm.

959.754 B312Đ/M.175042 - M.175043; V.0017587 - V.0017588

390. *Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969 - 1976)/ Nguyễn Đình Thống chủ biên.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 363tr.; 24cm.

959.704332 Ch312P/M.174837; V.0017566 - V.0017567

391. *Chuyện các vị vua Việt Nam/ Lê Thái Dũng.* - H.: Hồng Đức, 2019. - 206tr.; 21cm.

959.70099 Ch527C/M.174636 - M.174637 - M.174638; MP.0035068 - MP.0035069

392. *Chuyện quanh quanh Dâm Đàm/ Nguyễn Ngọc Tiến.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 410tr.; 20cm.

959.731 Ch527Q/M.175131 - M.175132 - M.175133; VN.0081068 - VN.0081069

393. Cuộc đấu trí, độ sức cuối cùng trên bầu trời Hà Nội: Tư liệu chiến tranh (Nhân kỷ niệm 47 năm chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" 18-29/12/1972 - 18-19/12/2019)/ *Nguyễn Minh Tâm*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 191tr.; 21cm.

959.70433 C514Đ/M.174975 - M.174976 - M.174977; VN.0081048 - VN.0081049

394. Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 19.5.1969). - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 51tr.; 13cm.. - (Hồ Chí Minh - Tác phẩm)

- MP.0035405; VN.0081070 - VN.0081071

395. Đời sống mới/ Tân Sinh. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 60tr.; 13cm.. - (Hồ Chí Minh - Tác phẩm)

959.704092 Đ462S/M.175148 - M.175149; MP.0035412 - MP.0035413; VN.0081078 - VN.0081079

396. Đường về Thăng Long: Tiểu thuyết lịch sử về Đại tướng Võ Nguyên Giáp/ *Nguyễn Thế Quang*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 567tr.; 24cm.

959.704092 Đ561V/M.174822 - M.174823; MP.0035242 - MP.0035243; V.0017554 - V.0017555

397. Giải phóng/ Tiziano Terzani; Nguyễn Hiền Thu dịch. - Xuất bản lần thứ hai. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 447tr.; 24cm.

959.7043 Gi-103P/M.175304 - M.175305 - M.175306; MP.0035559; V.0017623 - V.0017624

398. Giai thoại các vị vua Việt Nam/ Lê Thái Dũng. - H.: Hồng Đức, 2019. - 263tr.; 21cm.

959.70099 Gi-103T/M.174642 - M.174643 - M.174644; MP.0035072 - MP.0035073

399. 21 năm nổi lại đôi bờ/ Nguyễn Long Trảo. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 389tr.; 23cm.

959.7043 H103M/M.174838 - M.174839 - M.174840; MP.0035244; V.0017568 - V.0017569

400. Lịch sử nước ta/ Hồ Chí Minh. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 116tr.; 13cm.. - (Hồ Chí Minh - Tác phẩm)

959.704092 L302S/M.175144 - M.175145; MP.0035408 - MP.0035409; VN.0081074 - VN.0081075

401. Lịch sử xã Bình Phú (1930 - 2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 332tr.; 21cm.

959.7040959786 L302S/LC.0015250 - LC.0015251; MP.0035670 - MP.0035671; VN.0081162 - VN.0081163

402. Lời non nước/ Phạm Văn Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 156tr.; 21cm.

**959.704092 L462N/M.175158 - M.175159; MP.0035422 - MP.0035423;
VN.0081080 - VN.0081081**

403. *Nam Bộ từ năm 1968 đến cuối thế kỷ XIX qua nghiên cứu của người nước ngoài.* - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2018. - 311tr.; 24cm.

959.77 N104B/M.174260 - M.174261 - M.174262

404. *Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân/ Hồ Chí Minh.* - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 64tr.; 13cm.. - (Hồ Chí Minh - Tác phẩm)

**959.704092 N122C/M.175146 - M.175147; MP.0035410 - MP.0035411;
VN.0081076 - VN.0081077**

405. *Nghệ An ký/ Bùi Dương Lịch.* - H.: Khoa học xã hội, 2018. - 465tr.; 21cm.

**959.742 Ngh250A/M.174627 - M.174628 - M.174629; MP.0035066;
VN.0081012 - VN.0081013**

406. *Những mẫu chuyện về tinh thần đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh/ Tuyển chọn, biên soạn: Yên Ngọc Trung, Trần Văn Kim.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 170tr.; 21cm.

**959.704092 Nh556M/M.175048 - M.175049; MP.0035355 - MP.0035356;
VN.0081054 - VN.0081055**

407. *Sài Gòn chuyện xưa mà chưa cũ: Tập bút/ Lê Văn Nghĩa.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 422tr.; 20cm.

**959.779 S103G/M.175172 - M.175173; MP.0035433 - MP.0035434;
VN.0081086 - VN.0081087**

408. *Sài Gòn đất thiêng khí tụ/ Phan Hoàng.* - Tái bản lần 1 có bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, 2018. - 359tr.; 20cm.

**959.704092 S103G/M.174266 - M.174267 - M.174268; MP.0034879;
VN.0080901 - VN.0080902**

409. *Sửa đổi lỗi làm việc/ X.Y.Z.* - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 136tr.; 13cm.. - (Hồ Chí Minh - Tác phẩm)

**959.704092 S551Đ/M.175142 - M.175143; MP.0035406 - MP.0035407;
VN.0081072 - VN.0081073**

410. *Thành đoàn cùng quân và dân Sài Gòn - Gia Định tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh/ Biên soạn: Câu lạc bộ Truyền thống Thành đoàn, Phạm Chánh Trực,....* - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 230tr.; 23cm.

**959.7043 Th107Đ/M.175109 - M.175110 - M.175111; V.0017601 -
V.0017602**

411. *Việt sử lược/ Trần Quốc Vượng dịch.* - H.: Hồng Đức, 2019. - 263tr.; 21cm.

**959.7 V308S/M.174603 - M.174604 - M.174605; MP.0035054 -
MP.0035055**

412. *Vừa đi đường vừa kể chuyện/ T. Lan.* - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 102tr.; 21cm.

**959.704092 V551Đ/M.175127 - M.175128; MP.0035394 - MP.0035395;
VN.0081066 - VN.0081067**

413. *To build as well as destroy: American nation building in South Vietnam/ Andrew J. Gawthorpe.* - London: Cornell University Press, 2018. - 245p.; 24cm.

959.70431 T400B/AV.0012430

970 – Lịch sử Bắc Mỹ

414. *Curating and re-curating the American wars in Vietnam and Iraq/ Christine Sylvester.* - New York: Oxford University Press, 2019. - 222p.; 24cm.

973.9 C521A/AV.0012457

415. *Donald J. Trump: A president like no other/ Conrad Black.* - New Jersey: Regnery publishing, 2018. - 228p.; 24cm.

973.933092 D429J/AV.0012412

416. *Trump - The art of deal.* - New York: Random house, 1987. - 246p.; 24cm.

973.933092 T000T/AV.0012409

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Biên giới quốc gia trên biển và quy chế pháp lý của các vùng biển Việt Nam/ Lê Thái Dũng biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 219tr.; 21cm.

342.5970413

B305G/M.175007 - M.175008 - M.175009; VN.0081046 -

VN.0081047

Vấn đề biển đảo nói chung và việc xác lập, bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của thế giới. Tìm hiểu những nội dung liên quan đến biên giới quốc gia và biên giới quốc gia trên biển là một nhu cầu cần được đáp ứng. Để góp phần vào công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức biển đảo, về biên giới quốc gia biển. Cuốn sách luận giải một số vấn đề chung về lãnh thổ quốc gia, chủ quyền quốc gia và biên giới quốc gia; Quy chế biên giới và những nội dung chính trong Luật biên giới quốc gia; Quy chế pháp lý về các vùng biển trong Luật biển quốc tế và Luật biển Việt Nam; Quy định về quyền đi qua không gây hại trong Luật biển quốc tế và Luật biển Việt Nam; Quy chế khu vực biên giới biển và vai trò của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam trong bảo vệ an ninh, trật tự trên biển...

2. Bên cung đường Trường Sơn. - H.: Thanh niên, 2020. - 294tr.; 21cm.

895.9228403

B254C/M.174993 - M.174994; MP.0035323 - MP.0035324

Đường Trường Sơn - Con đường huyền thoại của sức mạnh ý chí và niềm tin quyết thắng của dân và quân ta. Bên cạnh những chiến công, đó còn là sự gian khổ, sự hy sinh khốc liệt của những người lính đã ngã xuống. Sự hy sinh của những người lính cùng những chiến công ngày ấy đã trở thành bản anh hùng ca bất tử làm rung động hàng triệu con tim Việt Nam và góp phần tô thắm thêm trang sử vẻ vang của dân tộc. Cuốn sách “*Bên cung đường Trường Sơn*” tuyển chọn những câu chuyện, bài ký cảm động về ký ức một thời khói lửa, chiến đấu hào hùng trên chiến trường Trường Sơn. Những câu chuyện có nội dung tuyên truyền, giáo dục sâu sắc của nhiều tác giả được in trên các Báo và Tạp chí khác nhau. Sách bao gồm 05 truyện ngắn và 14 ký viết về những kỷ niệm đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sách được chia làm hai phần. Phần 1 - Truyện ngắn, gồm các tác phẩm như: Bên cung đường Trường Sơn (Nguyễn Đức Thiện), Ký ức Trường Sơn (Duy Lưu), Hơi ấm Linh Cảm (Trần Nguyễn Anh), Trận đánh cuối cùng (Nguyễn Thế Tường), Lạc rừng sang Tây Trường Sơn (Hoài Nguyên). Phần 2 - Ký gồm những bài: Đường Trường Sơn ngày ấy bây giờ (Dương Hóa, Xuân Sơn, Hải Lan...), Những chuyến xe vượt mưa bom (Hoàng Phương), Những bông hoa trên tuyến lửa (Vũ Bình), Bông hoa của rừng Trường Sơn ngày ấy (Khôi Minh)...

3. Quyền tài phán của quốc gia trên biển - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo. - H.: Công an nhân dân, 2018. - 375tr.; 21cm.

341.45

Qu603T/M.174612 - M.174613 - M.174614; MP.0035060;

VN.0081007 - VN.0081008

Những năm gần đây, tranh chấp biển giữa các quốc gia liên quan đến việc xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền đối với các vùng biển ngày càng trở nên căng thẳng tại nhiều khu vực trên thế giới. Một trong những nguyên nhân tranh chấp này có thể là sự chồng chéo về chủ quyền, quyền chủ quyền hay quyền tài phán trong những khu vực biển chồng lấn cần phân định; Hay là sự chưa rõ ràng trong các quy định nhằm phân định quyền tài phán giữa các quốc gia. Cuốn sách “Quyền tài phán của quốc gia trên biển - Một số vấn đề lý luận và

thực tiễn” là tài liệu nghiên cứu, đề cập những khía cạnh pháp lý khác nhau về quyền tài phán trên biển của quốc tế nói chung và Việt Nam nói riêng được chia thành 04 phần.

Phần I: Đưa ra khái niệm, phân tích sự hình thành và phát triển nội dung quyền tài phán của quốc gia trong Luật Biển quốc tế; phân tích các nguyên tắc xác định quyền tài phán; các xung đột và giải quyết xung đột quyền tài phán của quốc gia trên biển.

Phần II: Phân tích pháp luật quốc tế về quyền tài phán của quốc gia trên biển trong một số lĩnh vực, đồng thời cũng nêu ra thực tiễn thi hành quyền tài phán trên biển của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm đối với Việt Nam.

Phần III: Khái quát sự hình thành và phát triển các quy định về thực thi quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển; quyền tài phán đối với hoạt động đi lại của tàu thuyền nước ngoài, thăm dò, khai thác và quản lý tài nguyên thiên nhiên, nghiên cứu khoa học biển do tàu thuyền nước ngoài tiến hành trong các vùng biển của Việt Nam.

Phần IV: Nêu lên quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả thực thi quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển trong giai đoạn hiện nay và đưa ra một số giải pháp cụ thể.

4. Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám/Trần Văn Giàu. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. ; 24cm.

Bộ sách gồm 3 tập, diễn tả bằng cách phổ thông nhất của quá trình chuyển biến dài hơn một trăm năm của ba hệ ý thức nối tiếp nhau, xen kẽ nhau, đấu tranh với nhau: Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó, hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó, hệ ý thức vô sản và sự thành công của nó trong sự nghiệp cứu nước.

Tập 1: Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử. - 490tr

181.197 S550P/M.174833 - M.174834; V.0017562 - V.0017563

"Nho giáo chiếm hơn phần nửa tập Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử. Phần của các tư tưởng khác ít hơn nhiều. Sở dĩ như vậy, vì dưới thời Nguyễn, Nho giáo là quốc giáo độc tôn, Nho giáo hay nói cho đúng hơn, những người theo Nho giáo triều đình chịu trách nhiệm chính trong việc mất nước.

Tập này chủ yếu nhằm chứng minh sự thất bại của Nho giáo trước hết trong cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập dân tộc. Tất nhiên là các tư tưởng Phật giáo, Đạo giáo...thế kỷ XIX còn có thể và cần phải nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn trong dịp khác".

Tập 2: Hệ ý thức Tư sản và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử. - 496tr.

181.197 S550P/M.174831 - M.174832; V.0017560 - V.0017561

"Một ý thức tư tưởng có thể và thường sống lâu dài hơn cơ sở xã hội và chính trị của nó, huống chi, dưới chế độ thực dân Pháp, triều đình Huế được duy trì, giai cấp địa chủ được củng cố làm chỗ dựa cho đế quốc thống trị.

Nhưng những tàn dư của hệ ý thức phong kiến trong mọi dạng biểu hiện của nó, dù là do bọn thực dân trực tiếp hay gián tiếp nhào nặn làm công cụ xâm lược, dù là do bản thân người Việt Nam đi tìm trong kho vũ khí tinh thần cũ của dân tộc xem có những món gì xưa mà có thể dùng được cho ngày nay, có thể dồi mài thêm, có thể chấn hưng lên để góp phần gây thành một sức mạnh chống thực dân, những tàn dư được nhào nặn, chấn hưng, dồi mài, sử dụng đó, xét cho cùng đều là những dạng thái khác nhau thuộc hệ ý thức tư sản"

Tập 3: Thành công của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. - 549tr.

181.197 S550P/M.174829 - M.174830; V.0017558 - V.0017559

Được xây dựng dưới dạng lịch sử của phong trào cách mạng Việt Nam từ 1920 đến 1945. Ở đây, các sự kiện, các giai đoạn lịch sử của phong trào cách mạng được nhìn ở góc độ tư tưởng là chính, lấy sự việc để trình bày và chứng minh tư tưởng, lấy tư tưởng làm đường lối cho hành động cách mạng có ý thức càng ngày càng sâu và càng đúng.

5. Nền quốc phòng toàn dân trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư/
Phạm Văn Sơn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 204tr.; 21cm.

355.033597

N254Q/M.175466 - M.175467 - M.175468; VN.0081164 -

VN.0081165

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang mang lại cơ hội và thách thức với tất cả quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động toàn diện tới tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh nước ta. Cuốn sách *“Nền quốc phòng toàn dân trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”* tập trung nghiên cứu về sự ra đời, đặc trưng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Những tác động của nó đến nền quốc phòng toàn dân; Đưa ra một số dự báo sự phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Định hướng tiếp cận, ứng dụng, phát triển Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam; Xác định yêu cầu và đề xuất giải pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 069.554546

● GIỜ MỞ CỬA:

- **Sáng:** 7h30 – 11h30
- **Chiều:** 13h00 – 16h30
- **Nghỉ:** Chủ nhật, ngày lễ

● PHỤC VỤ:

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*

- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● ĐỐI TƯỢNG:

- **Đọc:** Rộng rãi.
- **Mượn:** Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.